THUYẾT MINH

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH NAM THANH MIỆN TẠI XÃ NAM THANH MIỆN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM THANH MIỆN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM THANH MIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY CP KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT & XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT & XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG

ĐỊA CHỈ	SỐ 6 PHẠM TU, PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ, TP.HẢI PHÒNG
E-MAIL	TUVANKHAOSATDIACHATHD@GMAIL.COM
PHONE	(+84)2203, 851.195
FAX	(+84)2203, 851.195

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT & XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

THUYẾT MINH
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH NAM THANH MIỆN TẠI XÃ NAM THANH MIỆN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, TỶ LỆ 1/500

****

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NAM THANH MIỆN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM THANH MIỆN

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM THANH MIỆN

U.B.N.D XÃ NAM THANH MIỆN T.P HẢI PHÒNG

CHỦ TỊCH
ĐỖ VĂN TẢO

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT & XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0800914614
CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT & XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HẢI ĐĂNG

Contents

PHẦN MỞ ĐẦU 1
LÝ DO, MỤC TIÊU, CƠ SỞ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH 1
I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH 1
II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH 1
2.1. Mục tiêu, tính chất của khu quy hoạch: 1
2.2. Nhiệm vụ: 2
III. NHỮNG CĂN CỨ VÀ CƠ SỞ ĐỂ LẬP ĐỒ ÁN 2
3.1. Căn cứ pháp lý: 2
3.2. Nguồn tài liệu: 5
PHẦN II 5
ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT QUY HOẠCH 5
I. VỊ TRÍ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH 5
II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG CỦA KHU VỰC QUY HOẠCH 6
2.1. Điều kiện tự nhiên: 6
2.2. Hiện trạng các công trình và hạ tầng kỹ thuật: 6
III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG, CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA ĐỒ ÁN 7
3.1. Đánh giá tổng hợp hiện trạng: 7
3.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án: 7
PHẦN III 7
CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT QUY HOẠCH 7
I. CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KHU VỰC NGHIÊN CỨU 8
1.1. Quan điểm phát triển: 8
1.2. Tính chất phát triển: 8
II. Ý TƯỞNG, CẤU TRÚC QUY HOẠCH 8
III. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT: 8
IV. TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN 10
4.1. Hình khối, hình thức kiến trúc chủ đạo: 10
V. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT 12
5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông: 12
5.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng: 13
5.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc: 16
5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước: 23
5.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường: 23

PHẦN IV 24
KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN 24

PHẦN MỞ ĐẦU
LÝ DO, MỤC TIÊU, CƠ SỞ LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

***

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

- Việc lập quy hoạch 1/500 cho nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện là bước cụ thể hóa Quy hoạch chung xã Thanh Giang, xã Hồng Phong, Quy hoạch vùng huyện Thanh Miện (cũ), đảm bảo dự án khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

- Với công suất 120.000m3/ ngày đêm, nhà máy đóng vai trò là "mạch máu" chính, đảm bảo không xảy ra tình trạng thiếu hụt nước sạch làm gián đoạn chuỗi cung ứng công nghiệp trong khu vực. Với chức năng chính là đáp ứng nhu cầu về việc cung cấp nước sạch cho khu kinh tế chuyên biệt nằm ở phía Tây Hải Phòng và các hộ dân thuộc huyện Thanh Miện (cũ).

- Nhà máy tập trung với công nghệ xử lý hiện đại sẽ kiểm soát tốt các chỉ số lý hóa, vi sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giảm thiểu các bệnh liên quan đến nguồn nước.

- Chính vì vậy, việc lập Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500 là rất cần thiết, đảm bảo được tính pháp lý theo Luật Xây dựng, tạo cơ sở để các cấp có thẩm quyền thuận lợi trong việc quản lý quy hoạch, lập dự án, triển khai xây dựng.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

2.1. Mục tiêu, tính chất của khu quy hoạch:

- Cụ thể hóa Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện được UBND tỉnh Hải Dương (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024, Điều chỉnh quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xã Thanh Giang (cũ) được UBND xã Nam Thanh Miện phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 05/02/2026.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước sạch công suất 120.000 m3/ng.đ nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch cho khu vực Khu kinh tế chuyên biệt phía Tây thành phố và các cụm công nghiệp, dân cư lân cận trong khu vực và một phần địa bàn huyện Bình Giang cũ góp phần đảm bảo hoạt động ổn định của Khu kinh tế chuyên biệt và lân cận, phát triển kinh tế xã hội theo định hướng của thành phố.

- Làm cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương quản lý xây dựng theo quy hoạch. Làm cơ sở lập các dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch hiện hành và quản lý xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch của thành phố.

2.2. Nhiệm vụ:

- Khảo sát, đo đạc hiện trạng khu vực làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết. Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực lập quy hoạch.

- Quy hoạch sử dụng đất: xác định quy mô, diện tích xây dựng công trình phù hợp với nhu cầu sử dụng. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất của khu đất và chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật cho khu vực quy hoạch.

- Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hợp lý về công năng sử dụng, hài hòa về cảnh quan kiến trúc với các công trình trong khu vực; đảm bảo các chỉ tiêu, yêu cầu quản lý của khu vực.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường…khớp nối với hệ thống chung của khu vực.

- TỔNG QUAN CHUNG CỦA ĐỒ ÁN

1. Tên đồ án :

Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500.

2. Vị trí, diện tích quy hoạch:

- Dự án thuộc địa giới hành chính xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

- Tổng diện tích quy hoạch: **91.717,8 m^2**, được chia làm 02 vị trí. Cụ thể:

a. Vị trí khu vực trạm xử lý:

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là: **68.755,1 m^2**.

+ Diện tích thực hiện dự án là: **55.967,7m^2**.

+ Diện tích khớp nối hạ tầng kỹ thuật là: **12.787,4m^2.**

b. Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:

- Tổng diện tích lập quy hoạch là: **22.962,7 m^2**.

3. Tính chất và chức năng dự án:

- Là Nhà máy sản xuất và cung cấp nước sạch.

4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:

- Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện.

5. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:

- Công ty CP khảo sát địa chất & xây dựng Hải Dương.

6. Cơ quan chấp thuận quy hoạch:

- Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện.

III. NHỮNG CĂN CỨ VÀ CƠ SỞ ĐỂ LẬP ĐỒ ÁN

3.1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024.

Căn cứ Luật quy hoạch ngày 10/12/2025.

Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số Điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3 sau hợp nhất);

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND xã Nam Thanh Miện Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Phong, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030 và điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5382/SXD-QHKT ngày 22/05/2026 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 3111/SCT-NL ngày 9/6/2026 của Sở Công thương về việc tham gia ý kiến về đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 6933/SNNMT-QLĐĐ ngày 13/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tham gia ý kiến đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số 828/DLTM-KHKTAT ngày 29/6/2026 của Công ty Điện lực Hải Phòng - Điện lực Thanh Miện về việc chấp thuận điểm đấu nối cấp điện đối với đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

*** Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:**

+ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

+ TCVN 13606/2023: Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế.

+ QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

+ TCXDVN 7957-2023: Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

+ QCVN 06-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

+ QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ QCVN 26:2025/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện.

3.2. Nguồn tài liệu:

- Bản đồ Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Phong; Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (cũ).
- Bản đồ hiện trạng khu đất lập quy hoạch.
- Các tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

PHẦN II

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT QUY HOẠCH

****

I. VỊ TRÍ VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH

Tổng diện tích quy hoạch: **91.717,8 m²**, được chia làm 02 vị trí. Cụ thể:

1. Vị trí khu vực trạm xử lý:

- Khu đất thuộc địa giới hành chính xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, có các phía tiếp giáp như sau:

+ *Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 396.*

+ *Phía Nam giáp đất nông nghiệp.*

+ *Phía Đông giáp đất nông nghiệp (địa phận xã Hồng Châu).*

+ *Phía Tây giáp mương thuỷ lợi.*

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là: **68.755,1 m²**. Trong đó:

+ Diện tích thực hiện dự án là: **55.967,7m²**.

+ Diện tích khớp nối hạ tầng kỹ thuật là: **12.787,4m².**

2. Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:

- Khu đất thuộc địa giới hành chính xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, có các phía tiếp giáp như sau:

+ *Phía Bắc giáp đê và hành lang đê.*

+ *Phía Nam giáp sông Luộc.*

+ *Phía Đông giáp đường giao thông và bến tập kết VLXD.*

+ *Phía Tây giáp bến tập kết VLXD.*

- Tổng diện tích lập quy hoạch là: **22.962,7 m²**.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG CỦA KHU VỰC QUY HOẠCH

2.1. Điều kiện tự nhiên:

a) Địa hình, địa mạo:

- Hiện trạng của dự án chủ yếu là đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất thuỷ lợi và giao thông nội đồng.

- Khu vực trạm xử lý có địa hình tương đối bằng phẳng. Khu vực trạm bơm nước thô chủ yếu là đất ao nuôi trồng thuỷ sản nên có cao độ thấp so với khu vực lân cận, sau khi thực hiện dự án thì phần san lấp tương đối lớn.

- Khu vực nghiên cứu rất thuận lợi cho xây dựng.

b) Khí hậu:

- Mang khí hậu đặc trưng nói chung của thành phố Hải Phòng.

- Nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm, chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông).

- Vào giai đoạn từ tiết lập xuân đến tiết thanh minh (khoảng đầu tháng hai - đầu tháng tư dương lịch) có hiện tượng mưa phùn và nồm là giai đoạn chuyển tiếp từ mùa khô sang mùa mưa. Mùa mưa kéo dài từ tháng tư đến tháng mười hàng năm.

- Lượng mưa trung bình hàng năm: 1.300 – 1.700 mm.

2.2. Hiện trạng các công trình và hạ tầng kỹ thuật:

2.2.1. Vị trí khu vực trạm xử lý:

a) Hiện trạng các công trình:

- Trong dự án đã chủ yếu là đất nông nghiệp cùng với hệ thống mương tưới tiêu nội đồng, không có công trình hiện hữu.

b) Giao thông:

- Khu vực dự án có phía Bắc tiếp giáp với tuyến đường tỉnh 396, rất thuận tiện để phục vụ đi lại cho dự án.

- Hiện trạng trong khu vực dự án chủ yếu là đường giao thông nội đồng.

c) Hiện trạng cấp thoát nước:

- Cấp nước: Gần khu vực dự án đã có hệ thống cấp nước.

- Thoát nước: Hiện trạng chủ yếu là đất nông nghiệp, nước được thoát qua các tuyến mương nội đồng.

d) Hiện trạng cấp điện:

- Cấp điện: Hiện trạng trong dự án có đường dây trung thế 22kv rất thuận lợi cho việc đấu nối vào dự án.

e) Vệ sinh và môi trường.

- Khói bụi và tiếng ồn: Khả năng khói bụi và tiếng ồn ảnh hưởng không nhiều đến khu vực quy hoạch dự án.

2.2.2. Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:

a) Hiện trạng các công trình:

- Trong dự án đã chủ yếu là đất nông nghiệp, ao nuôi trồng thuỷ sản, không có công trình hiện hữu.

b) Giao thông:

- Khu vực dự án có phía Đông và phía Tây tiếp giáp với tuyến đường hiện trạng.

c) Hiện trạng cấp thoát nước:

- Cấp nước: Gần khu vực dự án đã có hệ thống cấp nước.

- Thoát nước: Hiện trạng nước mặt được thoát qua các ao nuôi trồng thuỷ sản và chảy ra sông Luộc phía Nam dự án

d) Hiện trạng cấp điện:

- Cấp điện: Hiện trạng gần dự án có đường dây trung thế rất thuận lợi cho việc đấu nối vào dự án.

e) Vệ sinh và môi trường.

- Khói bụi và tiếng ồn: Khả năng khói bụi và tiếng ồn ảnh hưởng không nhiều đến khu vực quy hoạch dự án.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG, CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CỦA ĐỒ ÁN

3.1. Đánh giá tổng hợp hiện trạng:

* Thuận lợi:

- Có vị trí tiếp cận thuận lợi với các tuyến giao thông của khu vực.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh khu vực tương đối hoàn chỉnh, thuận lợi cho việc khớp nối hạ tầng.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đất quy hoạch chưa có nên đầu tư xây dựng mới theo quy hoạch sẽ đồng bộ.

- Chi phí đền bù ít, công tác quy hoạch thuận lợi.

* Khó khăn:

- Khu đất chủ yếu là đất nông nghiệp bao gồm đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thuỷ sản... cao độ nền thấp, chiều cao san lấp lớn.

- Chi phí đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật lớn.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCXDVN:01/2021/TT-BXD; QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật và các quy định hiện hành.

- Định hướng quy hoạch mặt bằng: Các công trình được bố trí liên hoàn, phù hợp công năng sử dụng, có hướng dễ tiếp cận, có kiến trúc hiện đại phù hợp với cảnh quan kiến trúc chung khu vực. Bố trí cây xanh xung quanh tạo một không gian xanh thoáng mát, bảo vệ môi trường.

PHẦN III
CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT QUY HOẠCH

****

I. CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KHU VỰC NGHIÊN CỨU

1.1. Quan điểm phát triển:

- Khai thác tối đa các điều kiện thuận lợi, phát triển Nhà máy sản xuất nước sạch có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; có đầy đủ dịch vụ thiết yếu nội khu; có môi trường sinh thái; có giá trị về kiến trúc cảnh quan; có mối quan hệ hữu cơ với các khu vực lân cận để phát triển bền vững.

- Phát triển không gian Nhà máy sản xuất nước sạch theo hướng thân thiện với môi trường, đảm bảo các tiêu chí: (1) Tiết kiệm đất đai. (2) Tiết kiệm năng lượng (3) Phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội. (4) Có giải pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn các giá trị tự nhiên, góp phần chống biến đổi khí hậu.

- Thống nhất về quy hoạch kiến trúc cảnh quan, gắn kết mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của dự án với mạng lưới hạ tầng hiện có của khu vực tao thành một quy hoạch hoàn chỉnh về tổ chức không gian kiến trúc và đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

1.2. Tính chất phát triển:

- Là Nhà máy sản xuất nước sạch mới, hiện đại bậc nhất của xã với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, không gian xanh tập trung, hiện đại và tiện lợi, có giá trị cao về kiến trúc cảnh quan và môi trường được phát triển theo hướng bền vững.

- Quy mô dự án:

+ Công suất: 120.000 m^3/ngày đêm.

II. Ý TƯỞNG, CẤU TRÚC QUY HOẠCH

- Lập quy hoạch với các loại đất: đất xây dựng công trình; đất cây xanh, mặt nước; đất đường giao thông nội bộ.

- Đảm bảo sử dụng thuận tiện, phù hợp công năng sử dụng của mỗi công trình, đảm bảo phân khu chức năng rõ ràng nhưng vẫn tạo được sự liên kết giữa các bộ phận, các công đoạn trong quá trình hoạt động kinh doanh; hài hoà về mỹ quan và hạn chế tác động đến môi trường của khu vực xung quanh.

- Các công trình nhà xưởng, công trình phụ trợ… được bố trí phù hợp với quy mô dự án và đảm bảo tính liên hoàn với các khu vực khác.

- Quy mô cụ thể từng loại đất sẽ được đề xuất phù hợp sau khi nghiên cứu kỹ điều kiện thực tế và nhu cầu đầu tư.

III. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT:

Trên cơ sở cơ cấu quy hoạch phương án chọn, chi tiết quy hoạch sử đất như sau:

1. Vị trí khu vực trạm xử lý:

Bảng cơ cấu sử dụng đất			
Stt	**Loại đất**	**Diện tích (m2)**	**Tỷ lệ (%)**
A	**Diện tích thực hiện dự án**	**55.967,7**	**100,0**
1	Đất xây dựng công trình	23.731,2	42,4

2	Đất cây xanh	11.734,3	21,0
3	Đất giao thông nội bộ	20.502,2	36,6
B	**Diện tích khớp nối hạ tầng kỹ thuật**	**12.787,4**	
Tổng diện tích (A+B)		**68.755,1**	

Bảng kê các hạng mục			
Ký hiệu	**Tên công trình**	**Diện tích (m2)**	**Tầng cao**
A	Cổng vào		
1	Cụm bể trộn, phản ứng, lắng	4.925,4	
2	Bể lọc	2.892,3	
3	Bể chứa nước sạch	8.100,0	
4	Nhà trạm bơm nước sạch và rửa lọc	559,0	1
5	Nhà hóa chất	701,1	1
6	Nhà clo	660,6	1
7	Bể chứa nước rửa lọc và xả bùn lắng	2.920,8	
8	Bể nén bùn	693,9	
9	Nhà ép bùn	555,6	1
10	Nhà điều hành	381,7	3
11	Nhà trạm biến áp	195	1
12	Nhà máy phát điện	240	1
13	Nhà kho	240	1
14	Nhà để xe	203,9	1
15	Nhà công vụ	304,7	1
16	Nhà để chất thải độc hại	150	1
17	Nhà bảo vệ	7,2	1
18	Cây xanh	11.734,3	
19	Giao thông nội bộ	20.502,2	
Tổng diện tích		**55.967,7**	1-3

2. Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:

Bảng cơ cấu sử dụng đất			
Stt	**Loại đất**	**Diện tích (m2)**	**Tỷ lệ (%)**
1	Đất xây dựng công trình	567,9	2,5
2	Đất cây xanh, mặt nước	17.989,2	78,3
3	Đất giao thông nội bộ	4.405,6	19,2
Tổng diện tích		**22.962,7**	**100,0**

Bảng kê các hạng mục			
Ký hiệu	Tên công trình	Diện tích (m2)	Tầng cao
1	Cổng vào		
2	Trạm bơm	567,9	2
3	Hồ sơ lắng	6.915,0	
4	Cây xanh	11.074,2	
5	Cửa thu		
6	Giao thông nội bộ	4.405,6	
Tổng diện tích		**22.962,7**	**1-2**

Bảng cơ cấu sử dụng đất toàn khu			
Stt	Loại đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
Vị trí trạm xử lý			
A	**Diện tích thực hiện dự án**	**55.967,7**	**100,0**
1	Đất xây dựng công trình	23.731,2	42,4
2	Đất cây xanh	11.734,3	21,0
3	Đất giao thông nội bộ	20.502,2	36,6
B	**Diện tích khớp nối hạ tầng kỹ thuật**	**12.787,4**	
Tổng diện tích (A+B)		**68.755,1**	
Vị trí trạm bơm nước thô			
1	Đất xây dựng công trình	567,9	2,5
2	Đất cây xanh, mặt nước	17.989,2	78,3
3	Đất giao thông nội bộ	4.405,6	19,2
Tổng diện tích		**22.962,7**	**100,0**
Tổng diện tích quy hoạch 02 vị trí		**91.717,8**	

IV. TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

4.1. Hình khối, hình thức kiến trúc chủ đạo:

- Hình khối kiến trúc cơ bản là dạng hình hộp, tổ hợp theo nguyên tắc cân bằng, ổn định, vừa có tính thống nhất vừa có tính biến hoá để tạo điểm nhấn. Hình thức kiến trúc chủ đạo là kiến trúc hiện đại, biểu cảm bằng hình khối và chất liệu hoàn thiện với công nghệ sản xuất hiện đại. Cụ thể:

*** Vị trí khu vực trạm xử lý:**

a. Cụm bể trộn, phản ứng, lắng: 03 bể.

- Diện tích xây dựng: 1.641,8 m^2 x 3 = 4.925,4 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

b. Bể lọc: 03 bể.

- Diện tích xây dựng: 964,1 m^2 x 3 = 2.892,3 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

c. Bể chứa nước sạch: 03 bể.

- Diện tích xây dựng: 2.700,0 m^2 x 3 = 8.100,0 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

d. Nhà trạm bơm nước sạch và rửa lọc:

- Diện tích xây dựng: 559,0 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

e. Nhà hoá chất: 03 nhà.

- Diện tích xây dựng: 233,7 m^2 x 3 = 701,1 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

f. Nhà Clo: 03 nhà.

- Diện tích xây dựng: 220,2 m^2 x 3 = 660,6 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

g. Bể chứa nước rửa lọc và xả bùn lắng: 03 bể.

- Diện tích xây dựng: 973,6 m^2 x 3 = 2.920,8 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

h. Bể nén bùn: 03 bể.

- Diện tích xây dựng: 231,2 m^2 x 3 = 693,6 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

i. Nhà ép bùn: 03 nhà.

- Diện tích xây dựng: 185,2 m^2 x 3 = 555,6 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.

j. Nhà điều hành:

- Diện tích xây dựng: 381,7 m^2.
- Tầng cao: 3 tầng.
- Diện tích sàn: 1.145,1 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

k. Nhà trạm biến áp:

- Diện tích xây dựng: 195,0 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

l. Nhà máy phát điện:

- Diện tích xây dựng: 240,0 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

m. Nhà kho:

- Diện tích xây dựng: 240,0 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.

- Hình thức kiến trúc hiện đại.

n. Nhà để xe:

- Diện tích xây dựng: 203,9 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

o. Nhà công vụ:

- Diện tích xây dựng: 304,7 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

p. Nhà để chất thải độc hại:

- Diện tích xây dựng: 150,0 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

q. Nhà bảo vệ:

- Diện tích xây dựng: 7,2 m^2.
- Tầng cao: 1 tầng.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

*** Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

a. Trạm bơm:

- Diện tích xây dựng: 567,9 m^2.
- Tầng cao: 2 tầng.
- Diện tích sàn: 1.135,8 m^2.
- Hình thức kiến trúc hiện đại.

V. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Hệ thống giao thông của dự án được thiết kế trên nguyên tắc phân tầng gồm đường trục chính và các tuyến đường phục vụ nội khu, kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông khu vực và các vùng lân cận.

- Phát triển mạng lưới giao thông của dự án mới gắn với khu vực nhằm tạo điều kiện phát triển cho hệ thống hạ tầng đô thị nói chung.

- Thiết kế phù hợp với định hướng phát triển chung của xã Nam Thanh Miện, các chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống giao thông của Nhà máy nước sạch áp dụng tiêu chuẩn hiện hành.

a) Cơ sở nghiên cứu thiết kế:

- QCXDVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Dựa vào hiện trạng giao thông trong khu vực thiết kế.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và cảnh quan.

- QCVN 41:2024/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

b) Nguyên tắc thiết kế:

- Thiết kế quy hoạch mạng lưới giao thông trong khu vực đảm bảo liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng, đảm bảo mỹ quan đô thị và các tiêu chuẩn về kinh tế, kỹ thuật.

c) Quy hoạch hệ thống giao thông

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

** Mặt cắt 1-1 (đường tỉnh 396):*

- Quy mô lộ giới đường: 73,0m.

+ Bề rộng lòng đường: 12m + 10,5m + 7,5m = 30,0m.

+ Bề rộng hành lang ATGT: 16,5m x2 = 33m.

+ Bề rộng vỉa hè: 2x5,0m=10,0m.

** Mặt cắt đường nội bộ:*

+ Bề rộng lòng đường: 5m - 14m.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

** Mặt cắt 1-1 (đường đê):*

- Quy mô lộ giới đường: 40,75m (từ tim đường đê đến dự án)

+ Bề rộng lòng đường: 15m + 3,75m = 18,75m.

+ Bề rộng hành lang đê: 10,0m.

+ Bề rộng cọc tiêu: 1m.

+ Bề rộng lưu không đê: 1m.

+ Bề rộng vỉa hè: 2x5,0m=10,0m.

** Mặt cắt 2-2:*

- Quy mô lộ giới đường: 11,5m.

+ Bề rộng lòng đường: 5,5m.

+ Bề rộng vỉa hè: 2x3,0m=6,0m.

** Mặt cắt 3-3:*

- Quy mô lộ giới đường: 17,5m.

+ Bề rộng lòng đường: 7,5m.

+ Bề rộng vỉa hè: 2x5,0m=10,0m.

** Mặt cắt đường nội bộ:*

+ Bề rộng lòng đường: 5m -10m.

5.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

5.2.1. San nền:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Cao độ nền xây dựng của Dự án được khống chế theo quy hoạch chung của xã và bám sát cao độ hiện trạng của khu vực lân cận.

- Bản đồ san nền căn cứ theo bản đồ đo đạc hiện trạng khu đất và cao độ tim đường tỉnh 396 phía Bắc dự án.

- Việc san nền được thực hiện theo lô, hướng dốc từ trung tâm lô ra 4 phía, đảm bảo độ dốc thoát nước. Độ dốc san nền trung bình 0,2%. Khoảng cách giữa 2 đường đồng mức là 10,0m. Cao độ san nền cao nhất là +4,31m, cao độ san nền thấp nhất là +4,15m, cao độ hiện trạng trung bình +1,95m. Chiều cao san lấp trung bình là +2,28m.

- San lấp kết hợp với việc cảo tạo và kết nối với khu vực hiện hữu.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Cao độ nền xây dựng của Dự án được khống chế theo quy hoạch chung của xã và bám sát cao độ hiện trạng của khu vực lân cận.

- Bản đồ san nền căn cứ theo bản đồ đo đạc hiện trạng khu đất.

- Việc san nền được thực hiện theo hướng dốc từ Bắc xuống Nam, đảm bảo độ dốc thoát nước. Độ dốc san nền trung bình 0,2%. Khoảng cách giữa 2 đường đồng mức là 15,0m. Cao độ san nền cao nhất là +5,20m, cao độ san nền thấp nhất là +4,90m, cao độ hiện trạng trung bình +1,65m. Chiều cao san lấp trung bình là +3,40m.

- San lấp kết hợp với việc cảo tạo và kết nối với khu vực hiện hữu.

5.2.2. Thoát nước mặt:

a) Căn cứ và tiêu chuẩn áp dụng.

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01:2021/BXD.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- TCXDVN 7957-2023: Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

b) Nguyên tắc thiết kế:

- Thiết kế và phân cấp mạng thoát nước phải tạo mối liên hệ giữa khu vực nghiên cứu với khu vực xung quanh.

- Khi thiết kế mạng lưới thoát nước đảm bảo sự tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt trong quá trình sử dụng.

- Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước trong khu vực nghiên cứu với các khu vực lân cận, không làm ảnh hưởng đến lưu vực thoát hiện có của khu vực lân cận.

- Dựa vào hiện trạng thoát nước mưa khu vực.

- Dựa vào thiết kế quy hoạch kiến trúc, san nền, thiết kế quy hoạch đường, sân bãi...

- Thoát nước theo phương pháp tự chảy.

- Tất cả các tuyến cống đa số có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lý sau này, trên dọc tuyến rãnh bố trí các giếng thu nước để thuận tiện cho công tác kiểm tra và bảo dưỡng.

c) Giải pháp quy hoạch mạng lưới thoát nước:

- Dựa vào hiện trạng thoát nước mưa khu vực.

- Dựa vào thiết kế quy hoạch kiến trúc, san nền, thiết kế quy hoạch đường, sân bãi...

- Thoát nước theo phương pháp tự chảy.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng rẽ với hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống mạng lưới thoát nước mưa được chọn là các tuyến ống đặt dưới lòng đường, vỉa hè.

- Các hố ga trên các tuyến thoát nước mưa được bố trí theo quy định, phụ thuộc vào đường kính từng tuyến.

- Độ dốc các tuyến cống D600, D800 được chọn với imin=1/D.

- Những nơi giao nhau sẽ được lắp đặt theo kiểu: phía trên cùng là cấp nước, sau đó là thoát nước. Ống cấp nước phải được bố trí cao hơn ống thoát nước thải theo quy định.

- Các tuyến ống đi dưới lòng đường có khoảng cách từ đỉnh cống tới mặt đường nhỏ hơn quy định thì được gia cố đổ bê tông bọc xung quanh cống.

d) Tính toán hệ thống thoát nước mưa:

Lưu lượng nước mưa được tính toán theo phương pháp truyền thống (phương pháp cường độ giới hạn). Trường hợp này chọn cường độ mưa tính toán theo số liệu từ biểu đồ cường độ mưa tại thành phố Hải Phòng do cơ quan Khí tượng thuỷ văn cung cấp với chu kỳ tính toán là P=2 năm.

- Tính toán lưu lượng và điều hòa dòng chảy nước mưa được thực hiện theo phương pháp cường độ giới hạn theo công thức:

Cách tính toán:

Lưu lượng tính toán thoát nước mưa của tuyến cống (l/s) được xác định theo phương pháp cường độ giới hạn và tính theo công thức như sau (TCVN7957-2023) :

$Q = q.\psi.F$ (l/s)

Trong đó : q- cường độ mưa tính toán (l/s.ha).

ψ- hệ số dòng chảy.

F- diện tích thu nước tính toán (ha) được lấy trên cơ sở phân chia lưu vực thu nước theo đặc điểm san nền và địa hình.

- Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức:

$$q = \frac{A*(1+C\lg P)}{(t+b)^n}$$

Trong đó:

q : Cường độ mưa tính toán (l/s.ha).

p : Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm).

Chu kỳ lặp lại mưa tính toán P đối với khu vực đô thị phụ thuộc vào quy mô và tích chất công trình, xác định theo bảng 3 (TCVN 7957: 2023) => P= 2 năm.

A, b,c,n: Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương. Các giá trị trên được chọn theo phụ lục A.1 (TCVN 7957: 2023).

e) Phương án thiết kế thoát nước mặt:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Nước mặt của dự án được thiết riêng biệt với thoát nước thải.
- Hệ thống thoát nước mặt của dự án được thiết kế bằng rãnh B400 có nắp đan BTCT và cống tròn BTCT D600.
- Nước mặt toàn khu vực được thu gom vào các tuyến rãnh B400 và cống BTCT D600 bố trí trên đường, sau đó sẽ thoát ra mương tiêu thoát nước nằm ở phía Tây dự án.
- Thiết kế hoàn trả hệ thống mương hiện trạng chạy qua dự án bằng tuyến cống hộp BxH = 1.5m x 1.5m nằm ở phía Đông và phía Nam dự án để đảm bảo, đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho các diện tích đất nông nghiệp xung quanh dự án, không làm ảnh hưởng đến chế độ thủy văn và hoạt động sản xuất nông nghiệp của khu vực.
- Độ dốc tuyến rãnh B400 được chọn với i=0.2%.
- Độ dốc tuyến cống BTCT D600 được chọn với imin=1/D.
- Những nơi giao nhau sẽ được lắp đặt theo kiểu: phía trên cùng là cấp nước, sau đó là thoát nước. Ống cấp nước phải được bố trí cao hơn ống thoát nước thải theo quy định.
- Các tuyến ống đi dưới lòng đường có khoảng cách từ đỉnh cống tới mặt đường nhỏ hơn quy định thì được gia cố đổ bê tông bọc xung quanh cống.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Nước mặt của dự án được thiết riêng biệt với thoát nước thải.
- Hệ thống thoát nước mặt của dự án được thiết kế bằng rãnh B400 có nắp đan BTCT và cống tròn BTCT D600.
- Nước mặt toàn khu vực được thu gom vào các tuyến rãnh B400 và cống BTCT D600 bố trí trên đường, sau đó sẽ thoát ra sông Luộc nằm ở phía Nam dự án.
- Độ dốc tuyến rãnh B400 được chọn với i=0.2%.
- Độ dốc tuyến cống BTCT D600 được chọn với imin=1/D.
- Những nơi giao nhau sẽ được lắp đặt theo kiểu: phía trên cùng là cấp nước, sau đó là thoát nước. Ống cấp nước phải được bố trí cao hơn ống thoát nước thải theo quy định.
- Các tuyến ống đi dưới lòng đường có khoảng cách từ đỉnh cống tới mặt đường nhỏ hơn quy định thì được gia cố đổ bê tông bọc xung quanh cống.

5.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc:

5.3.1. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

a. Cơ sở thiết kế:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng 01/2021, Bộ Xây dựng.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 26:2025/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Kỹ thuật điện – Hệ thống lưới điện.

- Luật Điện lực số 61/2024/QH15.

- Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

- Các số liệu hiện trạng và tài liệu liên quan do địa phương cung cấp.

- Bản đồ địa hình khu vực nghiên cứu tỷ lệ 1/500.

b. Quy hoạch lưới điện:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Nguồn cấp: Dự kiến đấu nối tại cột điện số 13 (phía Tây dự án) nhánh Bơm Thanh Giang 2, thuộc lộ 473 E8.14.

- Tháo dỡ đường dây trung thế 22Kv cắt qua dự án từ cột số 13 đến cột số 17.

- Trồng cột mới số 13 cách vị trí cột cũ khoảng 10m về phía Tây dự án và trồng cột mới số 17 cách vị trí cột cũ khoảng 27m.

- Hạ ngầm đường dây trung thế 22Kv từ cột số 13 trồng mới và cột số 17 trồng mới.

- Dự kiến tổng công suất cung cấp điện cho dự án khoảng 2.000Kva.

- Từ trạm biến áp hạ ngầm đường dây hạ thế 0.4Kv cấp đến các tủ điện phân phối.

- Cáp ngầm trung thế 22kV được luồn trong ống HDPE và chôn ngầm trong hào kỹ thuật dưới vỉa hè hoặc dọc các tuyến đường giao thông quy hoạch để đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành điện và đảm bảo an toàn trong công tác quản lý vận hành lưới điện, đảm bảo mỹ quan khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

- Hệ thống được bố trí một cách hợp lý đảm bảo tiết kiệm điện năng, tổn hao điện áp cho phép, mỹ quan đô thị và tính thuận tiện vận hành khi sử dụng.

BẢNG TÍNH CÔNG SUẤT – TBA TRẠM XỬ LÝ & TRẠM BƠM CẤP II		
Công suất: 120.000 m³/ngđ | 3 đơn nguyên × 40.000 m³/ngđ | Bơm cấp II: Q=1.850 m³/h, H=55m | 3 bơm làm việc + 1 dự phòng		
THÔNG SỐ BƠM CẤP II (ô màu vàng = nhập liệu)		
Lưu lượng 1 bơm Q (m³/h)	**1850,00**	
Cột áp H (m)	**55,00**	
Hiệu suất bơm+motor η	**0,85**	

Hệ số dự trữ cơ khí k_dt				1,20		
Công suất thuỷ lực 1 bơm P = ρ·g·Q·H / (η·3.600.000) (kW)				326,20	kW	
Công suất motor bơm cấp II chọn = P_tt × k_dt (làm tròn lên 5 kW)				395,00	kW	
STT	**Tên phụ tải**	**Tổng số máy**	**Số máy làm việc**	**Công suất 1 máy (kW)**	**Tổng CS định mức (kW)**	**Ghi chú**
A. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC						
A1. Bể phân chia lưu lượng / Trạm bơm dâng						
1	Bơm dâng Q=1.100 m³/h, H=15m (3 làm việc / 1 DP)	4	3	**75,00**	225,00	
2	Van điện bể phân chia	4	3	**0,20**	0,60	
3	Điện tự dùng (PLC, đo lường)	1	1	**1,00**	1,00	
				Cộng: A1. Bơm dâng	**226,60**	kW
A2. Cụm bể trộn – phản ứng – lắng lamen (3 đơn nguyên × 40.000 m³/ngđ)						
4	Máy khuấy trộn (bể trộn) – 3 ĐN × 2 máy × 8,64 kW	6	6	**8,64**	51,84	
5	Máy khuấy phản ứng bậc 1 – 3 ĐN × 2 máy × 0,70 kW	6	6	**0,70**	4,20	
6	Máy khuấy phản ứng bậc 2 – 3 ĐN × 2 máy × 0,20 kW	6	6	**0,20**	1,20	
7	Bơm hút bùn bể lắng – 3 ĐN × 2 bơm, 1 LV × 2,2 kW	6	3	**2,20**	6,60	
8	Van điện xả bùn DN150 – 3 ĐN × 6 van × 0,2 kW	18	18	**0,20**	3,60	
9	Dàn cào bùn – 3 ĐN × 2 bộ × 0,37 kW	6	6	**0,37**	2,22	
				Cộng: A2. Cụm trộn–phản ứng–lắng	**69,66**	kW
A3. Bể lọc nhanh trọng lực (3 ĐN × 4 bể = 12 bể lọc)						
10	Biến tần/điện điều khiển bể lọc – 3 ĐN × 1 × 6 kW	3	3	**6,00**	18,00	
				Cộng: A3. Bể lọc nhanh	**18,00**	kW
A4. Nhà hóa chất (PAC – Polime – Clo)						
11	Bơm định lượng phèn PAC	2	1	**0,37**	0,37	
12	Máy khuấy phèn	2	2	**1,10**	2,20	
13	Bơm định lượng Polime	2	1	**0,37**	0,37	
14	Máy khuấy Polime	2	2	**1,10**	2,20	
15	Bơm áp lực cao (Clo injector)	2	1	**2,20**	2,20	
16	Bơm tăng áp	2	1	**1,10**	1,10	
17	Thiết bị Clorator	2	1	**0,50**	0,50	

18	Thiết bị Ejector	2	1	**0,50**	0,50	
19	Tháp trung hòa Clo	1	1	**5,50**	5,50	
20	Palăng điện 1,5T	1	1	**1,50**	1,50	
21	Phụ tải điều khiển & tự dùng nhà hóa chất	1	1	**5,00**	5,00	
				Cộng: A4. Nhà hóa chất	**21,44**	kW
A5. Xử lý bùn & thu hồi nước rửa lọc						
22	Bơm chìm hút bùn Q=90 m³/h, H=15m	2	1	**5,00**	5,00	
23	Bơm chìm Q=12 m³/h, H=19m	2	1	**3,70**	3,70	
24	Thiết bị gạt bùn bể nén bùn	1	1	**2,20**	2,20	
25	Máy ép bùn khung bản (12 m³/h)	1	1	**18,70**	18,70	
26	Bơm bùn trục vít	2	1	**5,50**	5,50	
27	Bơm polymer nhà ép bùn	1	1	**0,75**	0,75	
28	Hệ thống pha polymer	1	1	**2,25**	2,25	
29	Van điện nhà ép bùn	2	1	**0,20**	0,20	
				Cộng: A5. Xử lý bùn	**38,30**	kW
B. TRẠM BƠM CẤP II (NƯỚC SẠCH)						
B1. Bơm nước sạch & thiết bị vận hành						
30	Bơm nước sạch Q=1.850 m³/h, H=55m (3 LV / 1 DP)	4	3	395,00	1.185,00	
31	Bơm rửa lọc Q≈1500 m³/h, H=15m	4	3	**50,00**	150,00	
32	Máy thổi gió rửa lọc Q=43 m³/ph, H=5m	2	1	**50,00**	50,00	
33	Van điện trạm bơm cấp II	8	6	**0,25**	1,50	
34	Bơm rò rỉ (drainage)	1	1	**0,50**	0,50	
35	Bơm kỹ thuật	2	1	**7,50**	7,50	
36	Palăng điện 3T	1	1	**3,00**	3,00	
37	Phụ tải điều khiển & tự dùng trạm bơm II	1	1	**10,00**	10,00	
				Cộng: B1. Trạm bơm cấp II	**1.407,50**	kW
C. CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ & CHIẾU SÁNG						
C1. Hạng mục phụ trợ						

38	Nhà điều hành (chiếu sáng + thiết bị)	1	1	12,00	12,00	
39	Nhà bảo vệ	2	1	2,80	2,80	
40	Nhà kho & xưởng	1	1	10,00	10,00	
41	Nhà trạm biến áp (tự dùng)	1	1	1,00	1,00	
42	Khu nhà chuyên gia	1	1	12,00	12,00	
43	Chiếu sáng ngoài nhà & cảnh quan	1	1	5,00	5,00	
				Cộng: C1. Phụ trợ & chiếu sáng	**42,80**	kW
				TỔNG CÔNG SUẤT ĐẶT TOÀN HỆ THỐNG (Σ P_đặt)	**1.824,30**	**kW**

THÔNG SỐ TÍNH TOÁN MBA & MÁY PHÁT ĐIỆN		
Hệ số đồng thời k_đt	**0,90**	← *nhập liệu*
Hệ số công suất MBA (cos φ)	**0,85**	← *nhập liệu*
Hệ số công suất máy phát điện (cos φ_MF)	**0,80**	← *nhập liệu*
KẾT QUẢ TÍNH CHỌN MBA & MFĐ – TRẠM XỬ LÝ + TRẠM BƠM CẤP II		
S_TT_MBA = Σ P_đặt × k_đt / cos φ (kVA)	**1.931,61**	**kVA**
→ Chọn MBA 3 pha (làm tròn lên 500 kVA):	**2.000**	**KVA**

- Dự kiến tổng công suất của Khu vực trạm xử lý là khoảng 2.000 Kva.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Nguồn cấp: Dự kiến đấu nối tại cột giàn trạm biến áp Nhà máy nước 1, thuộc đường dây 35Kv, lộ 371 E8.29 gần khu vực dự án.

- Từ điểm đấu nối cấp đến trạm biến áp đặt trong dự án. Từ trạm biến áp sẽ cấp đến các hạng mục công trình.

- Dự kiến tổng công suất cung cấp điện cho dự án khoảng 750Kva.

- Cáp ngầm trung thế 22kV được luồn trong ống HDPE và chôn ngầm trong hào kỹ thuật dưới vỉa hè hoặc dọc các tuyến đường giao thông quy hoạch để đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành điện và đảm bảo an toàn trong công tác quản lý vận hành lưới điện, đảm bảo mỹ quan khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

- Hệ thống được bố trí một cách hợp lý đảm bảo tiết kiệm điện năng, tổn hao điện áp cho phép, mỹ quan đô thị và tính thuận tiện vận hành khi sử dụng.

BẢNG TÍNH CÔNG SUẤT – TBA TRẠM BƠM CẤP I (NƯỚC THÔ)		
Công suất nhà máy: 120.000 m³/ngđ | Bơm cấp I: Q=1.300 m³/h, H=25m | 3 bơm làm việc + 1 dự phòng		
THÔNG SỐ BƠM CẤP I (ô màu vàng = nhập liệu)		
Lưu lượng 1 bơm Q (m³/h)	**1850,00**	
Cột áp H (m)	**25,00**	
Hiệu suất bơm+motor η	**0,85**	

Hệ số dự trữ cơ khí k_dt				1,20		
Công suất thuỷ lực 1 bơm P = ρ·g·Q·H / (η·3.600.000) (kW)				148,27	kW	
Công suất motor chọn = P_tt × k_dt (làm tròn lên 5 kW)				180,00	kW	
STT	Tên phụ tải	Tổng số máy	Số máy làm việc	Công suất 1 máy (kW)	Tổng CS định mức (kW)	Ghi chú
1	Bơm nước thô Q=1.800 m³/h, H=25m	4	3	180,00	540,00	
2	Bơm rò rỉ (drainage)	1	1	0,40	0,40	
3	Bơm mồi (priming)	2	1	5,50	5,50	
4	Palăng điện 5T	1	1	7,75	7,75	
5	Phụ tải điều khiển & tự dùng	1	1	5,00	5,00	
TỔNG CÔNG SUẤT ĐẶT (Σ P_đặt)					558,65	kW
THÔNG SỐ TÍNH TOÁN MBA						
Hệ số đồng thời k_đt				0,90		
Hệ số công suất MBA (cos φ)				0,85		
KẾT QUẢ TÍNH CHỌN MBA – TBA TRẠM BƠM CẤP I						
S_TT = Σ P_đặt × k_đt / cos φ (kVA)				591,51	kVA	
→ Chọn MBA 3 pha (làm tròn lên 500 kVA):				750	kVA	

- Dự kiến tổng công suất của Khu vực trạm bơm nước thô là khoảng 750 Kva.

c. Cấp điện chiếu sáng:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường giao thông và chiếu sáng trang trí phần đất cây xanh trong khu quy hoạch.
- Nguồn điện được lấy từ khu vực trạm biến áp cấp đến tủ điện chiếu sáng.
- Thiết kế 01 tủ điện chiếu sáng.
- Chiếu sáng đường giao thông:

+ Các trục đường sử dụng cột đèn led bố trí đèn đơn 1 vế đường.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng hệ thống cột thép mạ kẽm, đường dây cấp điện sử dụng đường dây cáp ngầm luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực đi trong hào cáp. Hệ thống đèn được điều khiển bật tắt từ tủ điều khiển chiếu sáng.
- Hệ thống cột đèn, tủ điện được tiếp đất theo yêu cầu an toàn điện.
- Toàn bộ đường dây chiếu sáng được thiết kế đi ngầm.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường giao thông và chiếu sáng trang trí phần đất cây xanh trong khu quy hoạch.
- Nguồn điện được lấy từ khu vực trạm biến áp cấp đến tủ điện chiếu sáng.

- Thiết kế 01 tủ điện chiếu sáng.

- Chiếu sáng đường giao thông:

+ Các trục đường sử dụng cột đèn led bố trí đèn đơn 1 về đường.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng hệ thống cột thép mạ kẽm, đường dây cấp điện sử dụng đường dây cáp ngầm luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực đi trong hào cáp. Hệ thống đèn được điều khiển bật tắt từ tủ điều khiển chiếu sáng.

- Hệ thống cột đèn, tủ điện được tiếp đất theo yêu cầu an toàn điện.

- Toàn bộ đường dây chiếu sáng được thiết kế đi ngầm.

d. Hệ thống tiếp địa:

- Hệ thống tiếp địa được thiết kế nhằm bảo đảm an toàn cho người và thiết bị trong quá trình vận hành, khai thác công trình; đồng thời bảo vệ hệ thống điện trước các sự cố chạm đất, rò điện và quá điện áp do sét.

- Tại các hạng mục sử dụng điện trong phạm vi nhà máy nước như trạm biến áp, tủ điện tổng, tủ phân phối hạ thế, trạm bơm, nhà hóa chất, nhà điều hành và các công trình phụ trợ khác, bố trí hệ thống tiếp địa bảo vệ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện, Quy phạm trang bị điện và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Hệ thống tiếp địa được thực hiện bằng các cọc thép mạ đồng hoặc vật liệu tương đương kết hợp với dây tiếp địa chôn ngầm, liên kết thành mạng tiếp địa chung trong toàn nhà máy. Các vỏ kim loại của thiết bị điện, tủ điện, kết cấu kim loại và các bộ phận có khả năng mang điện khi xảy ra sự cố đều được nối với hệ thống tiếp địa bảo vệ.

- Đối với các công trình có yêu cầu chống sét, hệ thống tiếp địa chống sét được kết nối đồng bộ với hệ thống tiếp địa an toàn điện để bảo đảm hiệu quả bảo vệ và thuận lợi trong công tác quản lý, vận hành. Điện trở tiếp địa được tính toán, thiết kế và kiểm tra theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đáp ứng yêu cầu an toàn và vận hành ổn định của nhà máy nước.

- Hệ thống tiếp đất an toàn các thiết bị điện, điện trở tiếp địa phải nhỏ hơn 4 Ohm, tiếp đất chống sét nhỏ hơn 10 Ohm.

- Tất cả các tủ điện, vỏ kim loại của các thiết bị điện phải được nối đất.

5.3.2. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

a. Cơ sở thiết kế:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng 01/2021, Bộ Xây dựng.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Các số liệu hiện trạng và tài liệu liên quan do địa phương cung cấp.

- Bản đồ địa hình khu vực nghiên cứu tỷ lệ 1/500.

b. Phương án thiết kế:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Nguồn cấp viễn thông được đấu nối từ mạng thông tin chung nằm ở phía Bắc của dự án.

- Toàn bộ cáp viễn thông được thiết kế đi ngầm trong ống PVC luồn 2 chiều có thể thay thế hoặc kéo rút cáp một cách dễ dàng.

- Đoạn qua đường được bố trí trong ống thép.

- Cáp viễn thông do đơn vị cung cấp mạng viễn thông lắp đặt.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Nguồn cấp viễn thông được đấu nối từ mạng thông tin chung nằm ở phía Tây của dự án.

- Toàn bộ cáp viễn thông được thiết kế đi ngầm trong ống PVC luồn 2 chiều có thể thay thế hoặc kéo rút cáp một cách dễ dàng.

- Đoạn qua đường được bố trí trong ống thép.

- Cáp viễn thông do đơn vị cung cấp mạng viễn thông lắp đặt.

5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

a. Cơ sở thiết kế:

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13606/2023: Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế.

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01:2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD.

- QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

- Bản đồ khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500 khu vực thiết kế.

b. Phương án thiết kế:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Nước cấp cho khu vực quy hoạch được dự kiến lấy từ Bể chứa nước sạch nằm trong dự án. Từ bể chứa nước sẽ cấp đến các hạng mục công trình.

- Đường ống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống HDPE D32.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Nước cấp cho khu vực quy hoạch được dự kiến lấy từ đường ống cấp nước khu vực nằm ở phía Bắc. Từ điểm đấu nối sẽ cấp đến các hạng mục công trình.

- Đường ống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống HDPE D32.

5.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

5.5.1. Hệ thống thoát nước thải:

a) Cơ sở pháp lý:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng QCXDVN 01:2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD.

- QCVN 14:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

- Bản đồ khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/500 khu vực thiết kế.

b) Giải pháp quy hoạch mạng lưới thoát nước thải:

***Vị trí khu vực trạm xử lý:**

- Hệ thống thoát nước thải được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng biệt với nước mặt.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế bằng ống HDPE D200.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom qua ống HDPE D200 vào bể xử lý nước thải tập trung nằm trong dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được thoát ra mương tiêu thoát nước nằm ở phía Đông dự án.

- Trên hệ thống cống bố trí các giếng thu, giếng thăm có khoảng cách không quá 40m/1 hố ga nước thải, độ dốc rãnh i >1/D. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi ngắn nhất, lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về khu xử lý nước thải.

***Vị trí khu vực trạm bơm nước thô:**

- Hệ thống thoát nước thải được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng biệt với nước mặt.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế bằng ống HDPE D200.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom qua ống HDPE D200 vào bể xử lý nước thải tập trung nằm trong dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được thoát ra sông Luộc phía Nam dự án.

- Trên hệ thống cống bố trí các giếng thu, giếng thăm có khoảng cách không quá 40m/1 hố ga nước thải, độ dốc rãnh i >1/D. Tất cả các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi ngắn nhất, lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về khu xử lý nước thải.

5.5.2. Vệ sinh môi trường:

- Trong dự án bố trí các thùng rác công cộng có nắp đậy.

- Việc xử lý chất thải và rác thải theo phương án xử lý tập trung theo quy định của thôn, xã.

PHẦN IV
KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Các giải pháp quản lý quy hoạch về kiến trúc cảnh quan, về hạ tầng kỹ thuật đưa ra nhằm giúp UBND xã Nam Thanh Miện làm cơ sở để lập điều lệ quản lý xây dựng đảm bảo cho dự án xây dựng đúng theo quy định của Nhà nước và của địa phương, tạo tiền đề và giữ vững lâu dài cảnh quan kiến trúc và cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật.

UBND xã Nam Thanh Miện là cơ quan tổ chức lập hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ theo quy định, UBND xã Nam Thanh Miện xin ý kiến thẩm định của Phòng Kinh tế làm cơ sở để UBND xã xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền./.

Xin trân trọng cảm ơn!

CĂN CỨ PHÁP LÝ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3571 /QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 31 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/ 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 và các quy định hiện hành khác có liên quan;

Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Miện tại Tờ trình số 4189/TTr-UBND ngày 27/12/2023; Báo cáo thẩm định số 324/BC-SXD ngày 27/12/2024 của Sở Xây dựng về việc Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2); Phiếu trình số 54/PTr-VP ngày 30/12/2024 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2) với các nội dung chính sau:

I. Hồ sơ

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2).

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Thanh Miện.

3. Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương.

4. Hồ sơ: gồm 08 bản vẽ quy hoạch, thuyết minh, Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện, các văn bản liên quan kèm theo.

II. Nội dung quy hoạch

1. Vị trí, quy mô

1.1. Vị trí, ranh giới:

Huyện Thanh Miện nằm tại phía nằm phía Tây Nam tỉnh Hải Dương, ranh giới nghiên cứu quy hoạch trên toàn bộ địa giới hành chính huyện Thanh Miện gồm 01 thị trấn và 16 xã. Ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Bình Giang;
- Phía Đông Bắc giáp huyện Gia Lộc;
- Phía Đông Nam giáp huyện Ninh Giang và tỉnh Thái Bình;
- Phía Tây giáp tỉnh Hưng Yên.

1.2. Quy mô:

a) Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: khoảng 123,45 km^2.

b) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2023: 141.703 người.
- Dự báo quy mô dân số (bao gồm dân số tự nhiên, cơ học, quy đổi):

+ Đến năm 2030 khoảng 175.000 người.

+ Đến năm 2050 khoảng 203.500 người.

2. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại, sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Định hướng phát triển thành trung tâm công nghiệp động lực của tỉnh.

- Là vùng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa phía Tây Nam của tỉnh Hải Dương; trung tâm công nghiệp động lực của tỉnh, đầu mối trung chuyển, giao lưu kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương với tỉnh Hưng Yên và Thái Bình.

3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

3.1. Về phát triển hệ thống đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2030: Điều chỉnh định hướng phát triển đô thị giảm từ 12 đô thị còn 03 đô thị, bao gồm:

+ Nâng cấp đô thị thị trấn Thanh Miện là đô thị loại IV;

+ Định hướng quy hoạch, phân loại đô thị theo tiêu chí đô thị loại V cho 02 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Đoàn Tùng - Thanh Tùng (sáp nhập xã Đoàn Tùng và xã Thanh Tùng), Tứ Cường - Cao Thắng (sáp nhập xã Tứ Cường và xã Cao Thắng).

- Tầm nhìn 2031-2050: Sẽ được xác định theo định hướng phát triển hệ thống đô thị của huyện Thanh Miện phù hợp với điều kiện phát triển, định

hướng quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Dự kiến sắp xếp đơn vị hành chính:

- Giai đoạn đến năm 2025: huyện Thanh Miện không có đơn vị hành chính thuộc diện sắp xếp *(theo Nghị quyết số 1250/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).*

- Giai đoạn tiếp theo: Được thực hiện theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Về phát triển không gian vùng nông thôn:

Xây dựng và phát triển nông thôn theo hướng văn minh - hiện đại, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển, tiếp tục gắn xây dựng và phát triển các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Hải Dương.

4. Định hướng tổ chức không gian vùng

4.1. Định hướng tổ chức phát triển không gian:

Không gian vùng huyện Thanh Miện được định hướng phát triển theo 4 phân vùng, cụ thể:

- Vùng 1 (Vùng đô thị trung tâm): Tập trung phát triển các khu chức năng của đô thị loại IV. Là trung tâm chính trị, hành chính, văn hoá - thể thao, dịch vụ - thương mại, giáo dục, y tế và công nghệ của huyện.

- Vùng 2 (Vùng phát triển công nghiệp - dịch vụ - đô thị mới): Là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật khu vực phía Bắc huyện. Là một phần của Khu kinh tế chuyên biệt Hải Dương, ưu tiên phát triển công nghiệp tập trung quy mô lớn, dịch vụ, giáo dục và dân cư mới, nhất là xây dựng khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội phục vụ cho công nghiệp.

- Vùng 3 (Vùng phát triển nông nghiệp): Sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao; Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Vùng 4 (Vùng bảo tồn du lịch): Vùng du lịch sinh thái, kết hợp với bảo tồn nông nghiệp và nông nghiệp hữu cơ tại xã Chi Lăng Nam.

4.2. Định hướng phát triển mạng lưới dân cư:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Điều chỉnh về dự báo nhu cầu sử dụng đất phát triển đơn vị ở đô thị và khu dân cư nông thôn theo quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu phân bổ đất của tỉnh. Dự báo tổng diện tích đất phát triển đơn vị ở mới khoảng 436ha (Vùng phát triển tại đô thị khoảng 274ha; tại khu vực nông thôn khoảng 162ha).

+ Giảm hoặc loại bỏ đất ở quy hoạch mới chủ yếu tại các khu vực sau: Thôn La Xá (xã Thanh Tùng); thôn Đào Lâm, Phạm Lâm, Thúy Lâm (xã Đoàn

Tùng); thôn Đỗ Thượng, Đỗ Hạ (xã Phạm Kha); trung tâm xã Lam Sơn; khu vực dân cư thôn Vô Hối, An Lạc, Triệu Thái, Hoàng Hạ (thị trấn Thanh Miện); thôn Gia Cốc, An Khoái (xã Tứ Cường); thôn La Ngoại (xã Ngũ Hùng); thôn Phương Khê (xã Chi Lăng Bắc); thôn Hội Yên, An Dương (xã Chi Lăng Nam); thôn Phù Tải 1 (xã Thanh Giang); thôn An Phong, Đoàn Kết, Quang Trung, My Đồng (xã Hồng Phong); khu vực trung tâm (xã Cao Thắng); thôn Vĩnh Mộ, Chỉ Trung (xã Lê Hồng); thôn Bích Thuỷ, An Lâu (xã Hồng Quang); thôn Văn Xá, Phạm Xá, Tiên Lữ, tPhạm Tân (xã Ngô Quyền); thôn Ấp Yên, Ngọc Lập (xã Tân Trào); thôn Châu Quan, Thủ Pháp (xã Đoàn Kết); Và các điểm có quy mô nhỏ nằm rải rác tại các khu vực khác theo quy hoạch sử dụng đất của huyện đã phê duyệt.

+ Quy hoạch khu vực xây dựng Khu nhà ở dịch vụ, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân phụ vụ nhu cầu cho công nhân khu, cụm công nghiệp và nhân dân trong khu vực, diện tích khoảng 50ha tại xã Thanh Tùng.

- Tầm nhìn 2031-2050: Căn cứ vào nhu cầu phát triển về đô thị, nông thôn, đất ở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở sẽ tiếp tục nghiên cứu quy hoạch khu vực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn cho phù hợp quy định và nhu cầu.

4.3. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

- Cơ bản giữ nguyên định hướng quy hoạch hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao như quy hoạch đã được phê duyệt.

a) Quy hoạch cơ quan, trụ sở:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Di chuyển Toà án nhân dân huyện (hiện trạng nằm trong Huyện uỷ) sang vị trí giáp ĐT392B, giáp xã Lam Sơn, quy mô quy hoạch 0,4ha.

+ Di chuyển Trụ sở UBND huyện về trụ sở Huyện ủy hiện trạng.

+ Xây dựng mới trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, quy mô 0,5ha và Trụ sở chi cục thi hành án huyện quy mô 0,3ha.

- Giai đoạn sau năm 2030: xây dựng khu vực Trung tâm hành chính Huyện tại khu vực phía Tây ĐT392B (giáp xã Lam Sơn).

b) Văn hóa, giáo dục, y tế:

- Quy hoạch Trung tâm văn hoá - thể thao huyện quy mô 2,92ha, vị trí phía Đông ĐT392B.

- Điều chỉnh mở rộng Trường THPT Thanh Miện 3 thêm 0,83ha, diện tích sau mở rộng 2,62ha; Quy hoạch mới trường liên cấp (diện tích khoảng 3ha) tại khu vực thị trấn Thanh Miện (giáp sông Cửu An).

- Y tế: Mở rộng Trung tâm Y tế huyện (cơ sở 1) diện tích 5,5ha (tăng 3,5ha); điều chỉnh Trung tâm Y tế huyện (cơ sở 2, diện tích 0,4ha) thành đất văn hóa.

4.4. Quốc phòng, an ninh:

- Đất An ninh: Quy hoạch Trụ sở Công an huyện mới tại thị trấn Thanh Miện (diện tích 3ha); Đội PCCC&CNCH tại thị trấn Thanh Miện (diện tích 2ha), xã Ngũ Hùng (1,5ha), xã Lê Hồng (1,5ha).

- Đất Quốc phòng: Quy hoạch công trình quốc phòng phù hợp chỉ tiêu phân bổ đất tại: xã Thanh Giang (0,05ha), xã Tứ Cường - Cao Thắng (4,3ha, 4 vị trí) và xã Ngô Quyền (6 ha, 4 vị trí)

- Các trụ sở an ninh, quốc phòng sẽ được xác định cụ thể trong các cấp độ quy hoạch tiết theo (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết), đảm bảo theo chỉ tiêu phân bổ đất đai của tỉnh và quy định của ngành và phương án sắp sếp đơn vị hành chính cấp xã.

4.5. Định hướng các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

a) Nông nghiệp:

Điều chỉnh tăng khoảng 3.236ha diện tích đất nông nghiệp so với quy hoạch được duyệt. Tổng diện tích đất nông nghiệp sau điều chỉnh khoảng 7.042ha, phù hợp quy hoạch sử dụng đất được duyệt. Trong đó: Duy trì diện tích đất trồng lúa khoảng 4.270ha (vùng lúa chất lượng cao khoảng 690ha).

b) Công nghiệp:

- Quy hoạch phát triển công nghiệp huyện phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Hải Dương, gắn với phát triển, thành lập Khu kinh tế chuyên biệt của tỉnh. Ngoài ra, kết hợp với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có, quy hoạch mới để tạo động lực phát triển huyện Thanh Miện nói riêng và tỉnh Hải Dương nói chung. Lĩnh vực phát triển công nghiệp tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics…; đô thị - dịch vụ sinh thái hiện đại. Dự báo nhu cầu sử dụng đất sản xuất công nghiệp đến năm 2030 khoảng 733ha, bao gồm:

+ Khu công nghiệp (KCN) gồm: KCN Thanh Miện 1, KCN Thanh Miện 2, KCN Bình Giang - Thanh Miện;

+ Cụm công nghiệp (CCN) gồm: CCN Cao Thắng, CCN Đoàn Tùng, CCN Tứ Cường - Chi Lăng Bắc, CCN Ngũ Hùng - Thanh Giang, CCN Đoàn Tùng 2, CCN Tứ Cường.

- Điều chỉnh giảm khu vực đất công nghiệp tại xã Ngô Quyền, Tân Trào, Hồng Quang; duy trì một số quỹ đất sản xuất kinh doanh, công nghiệp nhỏ lẻ (đã được chấp thuận đầu tư; có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt).

- Khu kinh tế chuyên biệt: Quy hoạch Khu kinh tế chuyên biệt của tỉnh (tổng diện tích khoảng 5.300ha, diện tích tại huyện Thanh Miện khoảng 3.370ha). Trong đó bao gồm diện tích của các KCN, CCN đã được quy hoạch giai đoạn đến năm 2030 (KCN Thanh Miện 1, KCN Thanh Miện 2, KCN Bình Giang - Thanh Miện; CCN Đoàn Tùng, CCN Đoàn Tùng 2); ngoài ra còn định hướng quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp, dân cư, đô thị, dịch vụ, công cộng, trung tâm đổi mới

sáng tạo... khác nằm trong khu kinh tế chuyên biệt để dự kiến thành lập thêm một số khu công nghiệp, phát triển nhà ở, thương mại dịch vụ, công cộng sau khi được điều chỉnh, bổ sung thêm chỉ tiêu sử dụng đất và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Ghi chú: Các khu công nghiệp nằm trong khu vực dự kiến quy hoạch phát triển khu kinh tế chuyên biệt đã được phân bổ chỉ tiêu đất thì triển khai theo phương án phát triển khu công nghiệp theo quy định. Sau khi đề án Khu kinh tế chuyên biệt được duyệt, toàn bộ diện tích nằm trong Khu kinh tế chuyên biệt sẽ được thực hiện theo Quy hoạch xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Thương mại, dịch vụ:

- Giai đoạn đến năm 2030 diện tích khoảng 97ha, quy hoạch mới khoảng 94ha (giảm khoảng 229ha so với Quy hoạch được duyệt).

- Giai đoạn đến năm 2050 diện tích khoảng 119ha, quy hoạch mới khoảng 116ha (giảm khoảng 224ha so với Quy hoạch được duyệt)

- Điều chỉnh giảm một số khu vực quy hoạch đất dịch vụ - thương mại, du lịch tại một số xã: Hồng Quang, Ngô Quyền, Tân Trào, Lam Sơn, Lê Hồng, Thanh Giang, Chi Lăng Nam và các điểm có quy mô nhỏ khác (theo Quy hoạch tỉnh).

4.6. Định hướng quy hoạch hệ thống kỹ thuật hạ tầng:

a) Giao thông:

Cơ bản giữ nguyên hướng tuyến các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, định hướng quy hoạch quy mô, lộ giới như sau:

- Quốc lộ:

+ Quốc lộ 38B: đoạn ngoài khu vực đô thị, quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới 45m, Bn tối thiểu 12m; đoạn đi qua khu vực đô thị, thực hiện theo quy hoạch đô thị được duyệt.

+ Tuyến tránh Quốc lộ 38B: quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới 45m, Bn tối thiểu 12m.

- Đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 392: đoạn ngoài khu vực đô thị, quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới 45m, Bn tối thiểu 12m; đoạn đi qua khu vực đô thị, thực hiện theo quy hoạch đô thị được duyệt.

+ Đường tỉnh 392B, 392C, 396C: đoạn ngoài khu vực đô thị, quy mô tối thiểu đường cấp IV, lộ giới 32m, Bn tối thiểu 9m; đoạn đi qua khu vực đô thị, thực hiện theo quy hoạch đô thị được duyệt.

+ Đường tỉnh 396 (trục Đông - Tây của Tỉnh và đường trục Bắc - Nam của huyện): đoạn đi trùng đường trục Đông - Tây tỉnh và đường trục Bắc - Nam huyện quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, Bn ≥ 12m; đoạn từ nút giao với ĐT.392B, xã Ngũ Hùng đi xã Chi Lăng Nam quy mô đường cấp III, lộ giới = 45m, Bn ≥ 12m.

+ Đường tỉnh 393: đoạn từ nút giao với ĐT.396 đến cầu Từ Ô: quy mô lộ giới 24m (gồm: Bn ≥ 14m, vỉa hè =2x(3÷5)m)); đoạn qua khu vực đô thị xác định quy mô theo quy hoạch chung đô thị được phê duyệt; đoạn còn lại giữ nguyên là đường tỉnh với quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới 45m, Bn ≥ 12m.

+ Đường tỉnh 393 chỉnh tuyến: Điểm đầu tuyến nối từ tỉnh Hưng Yên qua cầu vượt sông Cửu An (phía Tây Bắc xã Tân Trào), đi song song với đường tỉnh 393, điểm cuối tuyến giao với ĐT396; quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới 45m, Bn ≥ 12m.

- Đường huyện:

+ Các tuyến đường huyện (Cao Thắng - Tiền Phong, Hồng Phong - Thanh Giang, Tân Trào - Ngô Quyền, Lam Sơn - Phạm Kha): Đoạn đi qua khu vực phát triển mới, quy mô tối thiểu đường cấp IV, 32m; đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng mà không còn quỹ đất, khó khăn về mặt bằng, đảm bảo phần xe chạy có bề rộng 10,5m, vỉa hè mỗi bên 5m.

+ Các tuyến đường huyện dự kiến nâng cấp lên đường tỉnh (gồm: đường Nhân Quyền - Phạm Kha, điểm đầu từ nút giao với ĐT393, điểm cuối giao với đường gom Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; đường tránh ĐT392C, điểm đầu từ nút giao với ĐT392B tại thị trấn Thanh Miện, điểm cuối giao với ĐT392C tại xã Lê Hồng), quy mô đường cấp III.

+ Đường huyện 192 và phần kéo dài: điều chỉnh chuyển thành ĐT392D, quy mô đường cấp III, lộ giới 45m, Bn ≥12m.

+ Đường huyện 195: Bổ sung quy hoạch tuyến đường từ ĐH.195, điểm đầu từ nút giao với đường tránh ĐT.392C tại xã Lê Hồng, điểm cuối kết nối với KCN Bình Giang, huyện Thanh Miện), quy mô tối thiểu đường cấp III, lộ giới = 45m, Bn ≥ 12m; đoạn còn lại: giữ nguyên quy mô tối thiểu đường cấp IV, 32m.

- Các tuyến đường trục chính xã: Trục xã chính tối thiểu phần xe chạy rộng 7,5m (cấp IV).

- Tuyến đê sông Luộc: giữ nguyên như quy hoạch được duyệt với quy mô mặt đường tối thiểu cấp IV.

- Nút giao thông: Bổ sung các nút giao khác mức: nút giao QL38B với ĐT396 phía Tây xã Tứ Cường, nút giao QL38B với ĐT392B, nút giao QL38B với ĐT396C phía Đông xã Tứ Cường, nút giao QL38B chỉnh tuyến với ĐT396; Ngoài ra tại các nút giao thông giao cắt giữa các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, trục chính đô thị khi cần thiết có thể bố trí nút giao thông khác mức (hầm đường bộ, cầu vượt dân sinh, cảnh quan…) để đảm bảo nhu cầu sử dụng, an toàn giao thông, tránh ùn tắc, tạo cảnh quan kiến trúc. Vị trí, phương án nút giao cụ thể được xem xét ở bước lập dự án đầu tư, thiết kế xây dựng….

- Cầu: cơ bản giữ nguyên quy hoạch các tuyến cầu vượt sông, cầu nối sang tỉnh Hưng Yên.

- Bến xe: Duy trì bến xe Bến Trại (xã Hồng Phong) hiện trạng, quy hoạch

mới bến xe cấp vùng tại thị trấn Thanh Miện (diện tích khoảng 2,48ha).

- Đường thủy: Mở rộng cảng Tiên Động (xã Hồng Phong), quy mô 10,5ha. Duy trì các bến cảng, bến thủy nội địa còn phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành (nếu có...), đủ điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật về đầu tư, giao thông, đất đai, đê điều, thủy lợi...có liên quan. Các bến cảng, bến thủy nội địa không còn phù hợp, từng bước di dời, xóa bỏ.

* *Ghi chú:*

- Hướng tuyến, quy mô, mặt cắt cụ thể của cầu và các tuyến đường giao thông chính sẽ được xác định cụ thể (có thể điều chỉnh - nếu cần thiết) ở các quy hoạch chuyên ngành (nếu có), quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã hoặc dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật chuyên ngành phù hợp cho từng đoạn tuyến theo hiện trạng khu vực đi qua để đảm bảo tính khả thi thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường, cầu.

- Đối với đường gom các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ: Được định hướng quy hoạch 2 bên đường theo quy định chuyên ngành. Vị trí, quy mô được xác định cụ thể ở bước chấp thuận, phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư. Trong trường hợp khi qua khu dân cư hiện trạng mà không còn quỹ đất, khó khăn về mặt bằng, có thể xem xét bố trí đường gom nằm một phần trong hành lang an toàn đường bộ, tuy nhiên phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền thỏa thuận, thống nhất theo quy định.

b) Cấp điện:

- Điều chỉnh vị trí các trạm biến áp 110kV theo quy hoạch tỉnh: không quy hoạch các trạm biến áp: 110kV Thanh Miện 4 tại xã Hồng Quang, 110kV Thanh Miện 5 tại xã Cao Thắng; điều chỉnh vị trí trạm biến áp 110kV Thanh Miện 3 từ xã Hồng Quang về xã Lê Hồng.

- Điều chỉnh vị trí, hướng tuyến một số tuyến đường dây để phù hợp, đồng bộ với quy mô điều chỉnh các tuyến đường giao thông. Vị trí, hướng tuyến đường dây điện sẽ được xác định trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất của các cơ quan quản lý chuyên ngành và địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Số lượng, vị trí, công suất các trạm biến áp, mạng lưới cáp điện được xác định ở các bước lập quy hoạch cấp dưới hoặc lập chủ trương, dự án đầu tư hoặc thiết kế xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo các quy định chuyên ngành, đồng thời được phép điều chỉnh, bổ sung mới khi có yêu cầu để đáp ứng nhu cầu sử dụng phát triển kinh tế xã hội.

c) Thoát nước mưa, nước thải:

+ Lưu vực 1 (thuộc khu thủy lợi Bình Giang - Bắc Thanh Miện): gồm các xã phía Bắc sông Neo. Nước mặt được thu gom về các kênh mương thủy lợi chính, thoát ra sông Cửu An và sông Tây Kẻ Sặt.

+ Lưu vực 2 (thuộc khu thủy lợi Đông Nam Cửu An): gồm các xã phía Nam Sông Neo và phía Bắc QL38, ĐT392B. Nước mặt được thu gom về các kênh mương thủy lợi chính, thoát ra sông Neo, sông Luộc.

- Thoát nước thải: Điều chỉnh công suất xử lý nước thải cho phù hợp với điều chỉnh không gian phát triển dân cư, đô thị, công nghiệp, dịch vụ. Vị trí, công suất, phạm vi xử lý... các trạm xử lý nước thải có thể điều chỉnh theo tính toán nhu cầu thực tế trong bước thực hiện các dự án cụ thể, đảm bảo nhu cầu phục vụ, tính khả thi thực hiện và hiệu quả kinh tế.

- Hệ thống đường cống thoát nước mưa, nước thải (cống, rãnh, kênh mương, cống hộp (BxH)...), được đi theo vỉa hè, lòng đường (hiện hữu, quy hoạch mới), cây xanh, hạ tầng kỹ thuật, đất nông nghiệp, đường nội đồng... phù hợp với hiện trạng. Vị trí, hướng tuyến, kích thước đường cống được xác định bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có), chấp thuận, phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định liên quan để đảm bảo tính khả thi thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng.

d) Cấp nước:

- Cơ bản giữ nguyên định hướng phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch được duyệt.

- Điều chỉnh trạm cấp nước Thanh Giang: vị trí gần nút giao ĐT396 và ĐT392D, điều chỉnh quy mô công suất 120.000m^3/ngđ cung cấp cho toàn huyện và Khu kinh tế chuyên biệt.

- Bổ sung trạm tăng áp tại xã Hồng Quang (diện tích khoảng 2ha).

- UBND huyện Thanh Miện có trách nhiệm trong việc phân vùng cấp nước, khu vực cấp nước của các trạm cấp nước trên địa bàn đảm bảo không xảy ra tình chồng lấn, tranh chấp vùng cấp nước. Công suất cấp nước có thể được điều chỉnh theo nhu cầu thực tế để phục vụ sản xuất, sinh hoạt, được xác định ở các bước tiếp theo, đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được đi ngầm dưới vỉa hè, đường giao thông (hiện trạng, quy hoạch), hạ tầng kỹ thuật, đất nông nghiệp, đường nội đồng...phù hợp với hiện trạng. Vị trí, hướng tuyến, kích thước đường ống cấp nước được xác định bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có), chấp thuận, phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định liên quan để đảm bảo tính khả thi thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng.

e) Rác thải, nghĩa trang:

- Rác thải:

+ Khu xử lý chất thải rắn tập trung toàn huyện: vị trí tại xã Ngũ Hùng và Tân Quang huyện Ninh Giang, diện tích 10÷15ha.

+ Quy hoạch Bãi tập kết chất thải vật liệu xây dựng quy mô 5ha tại xã Hồng Phong và Thanh Giang.

- Nghĩa trang: Trong giai đoạn trước mắt tiếp tục duy trì và mở rộng một số nghĩa trang hiện có để phục vụ đáp ứng nhu cầu chôn cất của nhân dân.

Quy hoạch nghĩa trang tại: thị trấn Thanh Miện (4,5ha), xã Ngô Quyền (1,5ha), xã Ngũ Hùng (2ha). Khuyến khích theo mô hình công viên nghĩa trang, hình thức mai táng hỏa táng, hạn chế hung táng.

f) Giải pháp bảo vệ môi trường:

Các dự án đầu tư xây dựng trong quy hoạch khi được triển khai xây dựng sẽ được thực hiện đánh giá môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

5. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư (đợt đầu đến năm 2030), kế hoạch thực hiện quy hoạch

- Lập, phê duyệt: Quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn, các khu chức năng, các khu đô thị, khu dân cư, điểm dân cư.

- Lập Chương trình, đề án phân loại đô thị cho các đô thị trong hệ thống quy hoạch đô thị của huyện.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh (hoặc hướng dẫn điều chỉnh) quy hoạch chi tiết các dự án (dân cư, công nghiệp, thương mại...) để phù hợp với điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt

- Triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước..), hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế...).

- Kêu gọi, đầu tư các CCN, KCN, khu đô thị, khu dân cư, điểm dân cư.

6. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2) do Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Sở Xây dựng thẩm định kèm theo.

(Chi tiết theo bản vẽ quy hoạch, thuyết minh và quy định quản lý quy hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND huyện Thanh Miện), đơn vị tư vấn lập quy hoạch chịu trách nhiệm về: trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch và các bước tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch theo quy định; tính chính xác về ranh giới, hiện trạng sử dụng đất, các số liệu, tài liệu trong hồ sơ trình điều chỉnh quy hoạch và căn cứ, nguyên tắc điều chỉnh; đánh giá về các dự án đầu tư xây dựng, trong đó có các dự án nhà ở, khu dân cư đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn phù hợp với các định hướng liên quan tại Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch tỉnh, phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đang triển khai lập; rà soát kiểm tra các quy hoạch, dự án đầu tư đảm bảo phù hợp các cấp độ quy hoạch (quy hoạch tỉnh, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết), không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình triển khai.

2. Giao UBND huyện Thanh Miện:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Hải Dương tại địa chỉ http://quyhoach.haiduong.gov.vn; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn huyện đảm bảo theo đúng quy định, tránh tình trạng lấn chiếm, vi phạm quy hoạch.

- Nộp sản phẩm thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ địa hình, bản đồ quy hoạch về Sở Tài nguyên và Môi trường (trực tiếp tại Trung tâm Công nghệ Thông tin) để quản lý, lưu trữ, khai thác sử dụng theo quy định, để cập nhật, lưu trữ vào hệ thống ArcGIS để phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

- Tổ chức lập quy hoạch chung các đô thị mới theo chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Chỉ đạo rà soát, khẩn trương lập (hoặc điều chỉnh) quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt; tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định để làm cơ sở tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện. Giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Miện đến năm 2030 (do UBND huyện Thanh Miện đang lập điều chỉnh) đảm bảo đồng bộ với Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh lần 2), đảm bảo tính khả thi thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hóa thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm quy hoạch ĐT&NT - Sở Xây dựng Hải Dương;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Minh (10b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Châu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:19 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3 sau hợp nhất)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3 sau hợp nhất); Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh đưa một số khu đất ra khỏi Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026.

(*Chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo*)

Điều 2. Thông qua Danh mục bổ sung khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026 (lần 3).

(*Chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo*)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết. Chỉ tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, đấu thầu và quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (*Quốc hội*);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Thành ủy, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC I

Điều chỉnh đưa một số khu đất ra khỏi Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (*ha*)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố	Ghi chú
1	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại Khu dân cư phường Ngọc Châu	Phường Hải Dương	1,08	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
2	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại Lô đất 1-C2 thuộc Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecoriver)	Phường Tân Hưng	2,99	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
3	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại phân khu 4 thuộc Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecoriver)	Phường Tân Hưng	3,27	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
4	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp và nhà ở chung cư cho công nhân trên địa bàn thành phố tại Dự án Khu đô thị mới phía Đông thành phố Chí Linh	Phường Trần Hưng Đạo	2,89	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
5	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở công nhân thuộc quy hoạch Khu dân cư, nhà ở công nhân và dịch vụ Khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	4,46	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	
6	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội thuộc Khu phố thương mại dịch vụ Ghẽ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Điền	1,12	Nghị quyết 90/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (*ha*)	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố	Ghi chú
7	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại phường Hòa Bình, thành phố Thủy Nguyên	Phường Hòa Bình	16	Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
8	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại xã Đặng Cương	Phường An Dương	7,7	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
9	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Chung cư cao tầng nhà ở xã hội tại xã An Đồng	Phường An Hải	5,6	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
10	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại xã Nam Sơn	Phường An Dương	1,8	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
11	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội tại xã Đồng Thái	Phường An Dương	11,7	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
12	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà ở xã hội (dự án thiết chế công đoàn tại Hải Phòng) tại xã Lê Lợi	Phường An Dương	4,8	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
13	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu nhà ở xã hội tại đầm Bắc Giang, phường Hùng Vương	Phường Hồng Bàng	6,5	Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 03/1/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	
14	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Khu dân cư mới ven sông Cầu Sái	Xã An Thành	10,71	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng	

PHỤ LỤC II

Bổ sung Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất	Địa điểm	Diện tích (ha)	Kế hoạch dự kiến	Tiến độ dự kiến	Ghi chú
Danh mục khu đất đề xuất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2026						
1	Khu đất thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện *(02 vị trí)*	Xã Nam Thanh Miện	Khoảng 8,88	2025-2026	180 ngày	

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG SỞ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:5382 /SXD-QHKT V/v tham gia ý kiến hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500	*Hải Phòng, ngày 22 tháng 5 năm 2026*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 1245/UBND-KT ngày 20/5/2026 của UBND xã Nam Thanh Miện về việc xin ý kiến tham gia đối với đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500 cùng hồ sơ Quy hoạch kèm theo.

Thông tin hồ sơ quy hoạch

- Tên đồ án: Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500.

- Vị trí quy hoạch:

+ Trạm xử lý: thôn Phù Tải 1, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng; Bên trái ĐT.396, lý trình Km13+780 - Km14+340.

+ Trạm bơm nước thô: thôn Tiên Động, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Nam Thanh Miện.

- Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Công ty cổ phần khảo sát địa chất và xây dựng Hải Dương.

- Quy mô nghiên cứu quy hoạch:

+ Trạm xử lý: 68.755,1 m^2 (trong đó diện tích thực hiện dự án là 57.045,8 m^2).

+ Trạm bơm nước thô: 22.962,7 m^2.

Sau khi nghiên cứu, Sở Xây dựng tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về trình tự, thủ tục, hồ sơ, sự phù hợp quy hoạch

1.1. Về trình tự, thủ tục

- UBND xã Nam Thanh Miện chịu trách nhiệm kiểm tra năng lực của đơn vị tư vấn, đảm bảo điều kiện của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch; thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tuân thủ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy định hiện hành có liên quan.

- Đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện rà soát tên gọi, thành phần, nội dung hồ sơ (bao gồm: Hồ sơ giấy và Hồ sơ điện tử), khung tên bản vẽ quy hoạch đảm

bảo thể hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 *(sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/ND-CP ngày 22/01/2026)* của Chính phủ, Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 *(sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025)*, Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 21/8/2025 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 162/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đối với khu vực quy hoạch trạm bơm nước thô nằm ngoài đê sông Luộc, đề nghị lấy ý kiến tham gia của Cơ quan chuyên môn về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và phương án quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình thuộc dự án đảm bảo phù hợp các quy định hiện hành.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện công tác lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về phương án quy hoạch; tổng hợp báo cáo, giải trình các ý kiến tham gia (bằng văn bản) theo quy định.

1.2. Về sự phù hợp quy hoạch

- Qua rà soát, đối chiếu, Trạm cấp nước Thanh Giang (nay gọi tên là Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện) đã được xác định trong Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Miện được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 31/12/2024.

- Đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện rà soát, đánh giá sự phù hợp của đồ án quy hoạch với quy hoạch chung xây dựng xã, các quy hoạch khác có liên quan, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch đất quốc phòng, an ninh.

1.3. Về hồ sơ quy hoạch

- Đề nghị bổ sung hồ sơ đất đai *(bản đồ Trích lục hoặc Trích đo)* phục vụ công tác lập quy hoạch làm cơ sở để xác định chính xác hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm lập, thẩm định quy hoạch và ranh giới quy hoạch.

- UBND xã Nam Thanh Miện có trách nhiệm rà soát tên gọi, thành phần, nội dung hồ sơ *(bao gồm: Hồ sơ giấy và Hồ sơ điện tử)*, khung tên bản vẽ quy hoạch đảm bảo thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định.

- UBND xã Nam Thanh Miện chỉ đạo rà soát, đảm bảo tính chính xác của các số liệu và chỉ tiêu trong quy hoạch đảm bảo theo quy định.

2. Về phương án quy hoạch

2.1. Thuyết minh quy hoạch

Rà soát các văn bản pháp lý cho phù hợp, bổ sung các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn quy hoạch xây dựng hiện hành có liên quan làm cơ sở đưa ra các chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án.

Bổ sung nội dung xác định dự án ưu tiên; dự kiến sơ bộ về tổng mức đầu tư làm cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội của quy hoạch.

2.2. Phương án quy hoạch

a) Ranh giới, hiện trạng quy hoạch

- Bản đồ khảo sát địa hình và các bản vẽ quy hoạch phải thể hiện theo hệ tọa độ quốc gia VN2000.

- Hiện nay, Dự án đường trục Đông - Tây tỉnh Hải Dương cũ (ĐT.396) phía Bắc khu vực quy hoạch trạm xử lý đang được đầu tư xây dựng giai đoạn 1. Vì vậy, đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch cập nhật vào quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện đảm bảo phù hợp, thống nhất với phạm vi Dự án đầu tư xây dựng đường trục Đông - Tây tỉnh Hải Dương (cũ), cụ thể: Ranh giới thực hiện Dự án phải đảm bảo cách tim đường trục Đông - Tây tỉnh Hải Dương cũ giai đoạn 1 hiện trạng (đã thi công) tối thiểu 23,0m, gồm: ½ mặt đường = 5,5m; dải phân cách = 5,0m; nền mặt đường gom = 7,5m; vỉa hè đường gom = 5,0m; Đồng thời, đề nghị bổ sung ranh giới nghiên cứu quy hoạch kết nối hạ tầng *(đến mép ĐT.396 hiện trạng)* để có căn cứ, cơ sở đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật kết nối với hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật hiện có *(thu hồi đất, hoàn trả, đầu tư xây dựng công trình giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, cây xanh...)*.

- Rà soát ranh giới, diện tích khu vực quy hoạch để khớp nối, không chồng lấn với các quy hoạch, dự án, công trình, khu vực dân cư hiện có lân cận, dẫn đến phát sinh tranh chấp, không khả thi trong việc giải phóng mặt bằng ở bước thực hiện dự án theo quy hoạch, đồng thời làm cơ sở xác định ranh giới, diện tích quy hoạch khu dân cư.

- Rà soát bản vẽ hiện trạng quy hoạch đảm bảo: đánh giá đầy đủ, đúng hiện trạng các loại đất *(đất nông nghiệp, mặt nước, nghĩa địa...)*, hệ thống hạ tầng kỹ thuật *(giao thông, điện, thủy lợi...)* hiện có. Đồng thời cập nhật các quy hoạch chuyên ngành, làm cơ sở tính toán, thiết kế phương án di chuyển, hoàn trả hoặc khớp nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật *(giao thông, cấp thoát nước, cấp điện...)* khu vực lân cận, đảm bảo an toàn công trình hiện trạng, ổn định hoạt động giao thông, tiêu thoát nước, sản xuất nông nghiệp... của nhân dân trong khu vực.

b) Quy hoạch sử dụng đất, cảnh quan

- Việc bố trí các công trình trong dự án phải đảm bảo: phù hợp theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD); Khoảng cách PCCC với các công trình, dự án lân cận và các chỉ tiêu kỹ thuật đường giao thông phục vụ xe chữa cháy, bãi đỗ xe chữa cháy phải tuân thủ yêu cầu tại QCVN 06:2022/BXD, các quy chuẩn khác có liên quan về PCCC.

- Đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện nghiên cứu, căn cứ nội dung của Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi; Phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trong Điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng được phê duyệt để áp dụng chỉ tiêu, số liệu, tính toán, xác định vị trí, diện tích… các công trình thuộc dự án.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung phương án tuyến đường ống cấp nước thô từ Trạm bơm nước thô đến Trạm xử lý.

- UBND xã Nam Thanh Miện chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu quy hoạch và số liệu thể hiện trong đồ án quy hoạch *(về kích thước, diện tích mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng...)* đảm bảo đầy đủ, tuân thủ Quy chuẩn quy hoạch và đảm bảo tính chính xác của số liệu trong đồ án quy hoạch.

c) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- San nền: Cao độ thiết kế san nền, tim đường giao thông khu vực quy hoạch phải khớp nối đồng bộ với khu vực lân cận.

- Giao thông:

+ Dự án chỉ kết nối với ĐT.396 thông qua đường gom, đường gom trên đấu nối với ĐT.396 tại các vị trí được xác định theo Quy hoạch cấp trên được duyệt.

+ Hiện tại, tuyến đường gom ĐT.396 chưa được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh toàn tuyến theo quy mô hoạch. Để đảm bảo khả năng kết nối giao thông khi dự án đi vào hoạt động đảm bảo phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Sở Xây dựng xem xét Dự án kết nối với ĐT.396 tại 01 vị trí có lý trình khoảng Km14+090(T)/ĐT.396. Tại vị trí đấu nối trên, tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông phạm vi điểm đấu nối *(mở rộng nền mặt đường để bố trí làn tăng giảm tốc theo TCVN 4054:2005, kết hợp gồ, gờ giảm tốc, biển báo hiệu, sơn vạch kẻ đường theo QCVN 41:2024/BGTVT)*. Sau khi tuyến đường gom ĐT.396 được đầu tư hoàn chỉnh theo quy mô quy hoạch, UBND xã Nam Thanh Miện có trách nhiệm tổ chức thực hiện thủ tục đóng điểm đấu nối trực tiếp tại Km14+090(T)/ĐT.396 theo quy định và tổ chức kết nối giao thông theo quy hoạch được duyệt.

- Thoát nước mặt, nước thải: Thể hiện rõ vị trí các cửa xả thoát nước mặt, thoát nước thải (từ bể xử lý nước thải tập trung) ra ngoài môi trường.

- Việc đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải phù hợp với quy hoạch, hệ thống chung tại khu vực.

III. Về tổ chức thực hiện

Đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện rà soát, thực hiện đầy đủ các thủ tục, thành phần và nội dung hồ sơ đồ án quy hoạch theo quy định; yêu cầu cơ quan tổ chức lập quy hoạch nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ, giải trình các ý kiến tham gia của Sở Xây dựng và cộng đồng dân cư, cá nhân có liên quan để hoàn thiện hồ sơ phù hợp theo quy định trước khi chấp thuận quy hoạch. UBND xã Nam Thanh Miện chịu trách nhiệm chấp thuận Quy hoạch theo thẩm quyền.

- Sau khi chấp thuận quy hoạch, đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện thực hiện:

+ Tổ chức công bố công khai quy hoạch, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch; cắm và quản lý mốc giới quy hoạch đảm bảo theo đúng quy định.

+ Giao cơ quan có chức năng quản lý về quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch để cập nhật thông tin chung về quy hoạch theo quy định tại Nghị định 111/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư 24/2025/TT-BXD.

+ Gửi hồ sơ đầy đủ về Sở Xây dựng để phục vụ công tác lưu trữ, theo dõi, quản lý quy hoạch các dự án trên địa bàn thành phố, bao gồm:

(1) 01 bộ hồ sơ giấy pháp lý *(thuyết minh, bản vẽ, các tài liệu văn bản in được xác nhận tính pháp lý)*;

(2) 01 bộ hồ sơ điện tử *(Cơ sở dữ liệu số cơ bản + Cơ sở dữ liệu số pháp lý + Cơ sở dữ liệu số địa lý)* theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng.

- Việc lập quy hoạch, thực hiện quy hoạch, triển khai sau quy hoạch dự án trên phải tuân thủ quy hoạch cấp trên và các quy định hiện hành.

Trên đây là nội dung ý kiến của Sở Xây dựng về hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, tỷ lệ 1/500, đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện nghiên cứu, tổng hợp, chỉ đạo thực hiện theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- PGĐ Sở: Vũ Minh Nghĩa;
- Lưu: VT, QHKT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Vũ Minh Nghĩa

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:3111 /SCT-NL	*Hải Phòng, ngày 09 tháng 6 năm 2026*

V/v tham gia ý kiến về nội dung đồ án quy hoạch Tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã Nam Thanh Miện.

Sở Công Thương nhận được Công văn số 1245/UBND-KT ngày 20/5/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Nam Thanh Miện về việc xin ý kiến tham gia đồ án quy hoạch Tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500; Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Công Thương có ý kiến tham gia như sau:

1. Cơ bản thống nhất với các nội dung quy hoạch đề xuất trong Đồ án quy hoạch Tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500 do Uỷ ban nhân dân xã Nam Thanh Miện (cơ quan tổ chức lập quy hoạch) và Công ty cổ phần khảo sát địa chất và xây dựng Hải Dương (đơn vị tư vấn) lập năm 2026.

2. Thống nhất với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế áp dụng trong đồ án quy hoạch và hạng mục cấp điện thuộc đồ án. Tuy nhiên về phần căn cứ pháp lý lập quy hoạch hạng mục cấp điện, đề nghị bổ sung Luật Điện lực số 61/2024/QH15, Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực, Quy phạm trang bị điện: 11TCN – (19, 20, 21) – 2006 do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành năm 2006 để làm cơ sở lập quy hoạch đối với hạng mục cấp điện; đồng thời căn cứ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng để xác định rõ các chỉ tiêu tính toán cấp điện cho các hạng mục công trình theo cơ cấu quy hoạch sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của từng khu vực thuộc dự án.

3. Ý kiến đối với nội dung quy hoạch cấp điện

Để hoàn thiện đồ án quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng; đề nghị đơn vị tư vấn lập quy hoạch nghiên cứu xem xét, bổ sung một số nội dung sau:

- Về hiện trạng lưới điện: Theo Bản đồ hiện trạng tổng hợp & đánh giá đất xây dựng và Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện; trong phạm vi quy hoạch có tuyến đường dây trung thế 22kV hiện hữu chạy cắt ngang khu đất quy hoạch khu vực trạm xử lý, tuy nhiên chưa thể hiện rõ tên, lộ đường dây và đơn vị chủ sở hữu tuyến đường điện trung thế 22kV. Theo đó đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch cần khảo sát, đánh giá hiện trạng đối với hạng mục đường điện cao thế hiện trạng nêu trên để xác định rõ tên lộ, quy mô, thông số kỹ

thuật cũng như kết cấu đường dây trung thế hiện trạng trong Bản đồ hiện trạng để làm cơ sở đề xuất, thiết kế điểm đấu nối, phương án đấu nối trung thế cấp điện cho dự án trong Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện; đảm bảo an toàn hành lang công trình lưới điện cao áp theo quy định tại Luật Đất đai, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Về phương án quy hoạch cấp điện cho dự án:

+ Đồ án quy hoạch đã căn cứ quy hoạch sử dụng đất và QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng để làm căn cứ quy hoạch hạng mục cấp điện; tuy nhiên thuyết minh đồ án chưa có nội dung xác định chỉ tiêu cấp điện trên cơ sở Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất, chưa có nội dung tính toán nhu cầu phụ tải điện của dự án; theo đó quy hoạch chưa xác định được tổng công suất tính toán, chưa lựa chọn đề xuất quy mô công suất trạm biến áp dự kiến cấp cho khu vực quy hoạch nhằm đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện cho Dự án đang nghiên cứu đề xuất. Theo đó, đề nghị thuyết minh quy hoạch bổ sung, làm rõ việc xác định chỉ tiêu cấp điện, tính toán nhu cầu phụ tải điện của dự án để làm cơ sở lựa chọn, bố trí trạm biến áp có công suất tương ứng phù hợp với nhu cầu sử dụng điện thực tế của khu vực nghiên cứu.

+ Nguồn cấp điện: cơ bản thống nhất với phương án đề xuất nguồn cấp điện cho dự án được đấu nối từ đường dây trung thế 22kV hiện trạng chạy qua dự án về trạm biến áp trong dự án. Tuy nhiên, để đảm bảo nguồn cấp điện cho dự án phù hợp với phương án phát triển lưới điện trung thế tại khu vực, đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch phối hợp với đơn vị chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình điện để khảo sát, thống nhất nhu cầu sử dụng điện của dự án, đồng thời thống nhất điểm đấu nối cấp điện cho dự án, thỏa thuận phương án di chuyển hạ ngầm để hoàn trả đối với tuyến đường điện 22kV cắt ngang khu đất nêu trên nhằm đảm bảo an toàn hành lang lưới điện cao thế theo quy định tại Luật Đất đai, Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

+ Phương án quy hoạch lưới điện trung thế 22kV: trong thuyết minh quy hoạch chưa đề xuất, nêu rõ phương án quy hoạch thiết kế đối với lưới điện trung thế 22kV cấp điện cho các trạm biến áp thuộc dự án. Theo đó, đề nghị thuyết minh quy hoạch bổ sung nêu rõ phương án quy hoạch đối với đường cáp ngầm trung thế cấp điện cho trạm biến áp khu vực trạm xử lý và đường cáp ngầm cấp điện cho trạm biến áp khu vực trạm bơm nước thô (trong bản vẽ quy hoạch cấp điện cho khu vực trạm bơm nước thô không thể hiện sự đấu nối giữa đường cáp ngầm trung thế và trạm biến áp của khu vực trạm bơm nước thô với lưới điện trung thế hiện trạng tại khu vực). Trong thiết kế quy hoạch hạ ngầm lưới điện trung thế 22kV cần lưu ý sử dụng cáp ngầm trung thế 22kV được luồn trong ống HDPE và chôn ngầm trong hào kỹ thuật dưới vỉa hè hoặc dọc các tuyến đường giao thông quy hoạch để đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành điện và đảm bảo an toàn trong công tác quản lý vận hành lưới điện, đảm bảo mỹ quan khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

+ Phương án quy hoạch trạm biến áp: trong thuyết minh quy hoạch chưa đề xuất, nêu rõ phương án quy hoạch thiết kế về vị trí, kết cấu lắp đặt đối với trạm biến áp dự án. Theo đó, đề nghị cơ quan tổ chức lập quy hoạch và đơn vị tư vấn lập quy hoạch bổ sung thuyết minh làm rõ phương án bố trí vị trí, kết cấu lắp đặt đối với hạng mục trạm biến áp dự kiến xây dựng trong phạm vi quy hoạch; lưu ý đề xuất quy hoạch trạm biến áp theo hướng thiết kế trạm có kết cấu kiểu trạm kios hợp bộ hoặc trạm xây kín trong nhà để đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành điện, công tác an toàn, mỹ quan trong thiết kế quy hoạch nhà máy nước; đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp theo quy định của Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/03/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Về công suất trạm biến áp, đề nghị lựa chọn công suất trạm biến áp trên cơ sở tính toán tổng nhu cầu cấp điện của dự án.

+ Phương án quy hoạch lưới điện hạ thế: thống nhất phương án quy hoạch lưới điện hạ thế cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng được thiết kế đi ngầm. Tuy nhiên, thuyết minh quy hoạch cần đề xuất nêu rõ phương án thiết kế về hướng tuyến, vị trí lắp đặt các tuyến cáp ngầm hạ thế, các tủ điện hạ thế. Đối với quy hoạch các tủ điện hạ thế cấp điện cho các hạng mục công trình được lắp đặt trong phạm vi nhà máy nước cần lưu ý thiết kế, bố trí bổ sung hệ thống tiếp địa tủ nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng quy phạm trang bị điện và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; đảm bảo an toàn cho các hoạt động trong nhà máy nước.

- Sau khi có ý kiến tham gia của các Sở, ngành, nếu có sự thay đổi về cơ cấu sử dụng đất, sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan…, đề nghị chủ đầu tư tính toán lại nhu cầu phụ tải điện của dự án để làm cơ sở quy hoạch cấp điện, xác định lựa chọn quy mô công suất và vị trí đặt trạm biến áp cấp điện cho khu vực trạm xử lý và khu vực trạm bơm nước thô đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của từng khu vực.

Sở Công Thương tham gia ý kiến đối với Đồ án quy hoạch Tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500 để Uỷ ban nhân dân xã Nam Thanh Miện tổng hợp, thẩm định, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, PGĐ L.N.Lân;
- Lưu: VT, NL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Ngọc Lân

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:6933 /SNNMT-QLĐĐ	*Hải Phòng, ngày 13 tháng 6 năm 2026*

V/v tham gia ý kiến tham gia Đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận Văn bản số 1245/UBND-KT ngày 20/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện về việc xin ý kiến tham gia Đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện tại xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500, thông tin như sau:

- Khu trạm xử lý nước có tổng diện tích 68.755,1m^2 *(trong đó: diện tích thực hiện dự án là 57.045,8m^2, diện tích khớp nối hạ tầng kỹ thuật là 11.709,3m^2)*;

- Khu công trình thu và trạm bơm nước thô có diện tích 22.962,7m^2.

Trên cơ sở hồ sơ cung cấp kèm, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

Theo Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025, vị trí lập khu đất lập Quy hoạch Tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện nằm trong ô đất quy hoạch đất công trình cấp nước, thoát nước (ký hiệu DCT), đề xuất mục đích sử dụng đất Nhà máy nước sạch là phù hợp.

Đối chiếu với chỉ tiêu sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện rà soát chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã tại hồ sơ kèm theo Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để đánh giá sự phù hợp, bảo đảm diện tích sử dụng đất thực hiện dự án không vượt chỉ tiêu được phân bổ và đáp ứng điều kiện triển khai dự án.

Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện căn cứ quy định trên, lấy ý kiến cơ quan có liên quan để triển khai các thủ tục đảm bảo theo quy định hiện hành.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia ý kiến như trên gửi Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh Miện nghiên cứu, thực hiện các thủ tục tiếp theo đảm bảo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, PGĐ Sở: Ng.T.N.Trang;
- Lưu: VT, P QLĐĐ (C.M.Chinh).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Như Trang

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
ĐIỆN LỰC THANH MIỆN

Số: 828/DLTM-KHKTAT

V/v chấp thuận điểm đấu nối cấp điện đối với Đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, xã Nam Thanh Miện

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Miện, ngày 29 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: UBND xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng

Căn cứ công văn số 536 UBND-KT ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Nam Thanh Miện về việc thỏa thuận cấp điện đối với Đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ vào tình hình lưới điện hiện tại của Điện lực Thanh Miện.

Điện lực Thanh Miện có ý kiến như sau:

- Đồng ý với chủ trương đấu nối cấp điện Đồ án Quy hoạch tổng mặt bằng Nhà máy nước sạch Nam Thanh Miện, xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng, tỷ lệ 1/500. Trước khi triển khai thực hiện đề nghị UBND xã Nam Thanh Miện duyệt quy hoạch vị trí xây dựng đường dây và trạm biến áp cho TBA 750kVA-35(22)/0,4kV và TBA 2000 kVA - 22/0,4kV theo quy định.

- Đối với phần cấp điện cho trạm biến áp:

+ TBA 750kVA - 22/0,4kV xây dựng mới cấp điện cho khu vực trạm bơm nước thô, điểm đấu nối cấp điện dự kiến như sau: Điểm cấp điện sẽ lấy điện tại cột cột giàn trạm biến áp Nhà máy nước 1 - thuộc đường dây 35kV lộ 371 E8.29.

+ TBA 2000kVA - 22/0,4kV xây dựng mới cấp điện cho khu vực trạm xử lý, điểm đấu nối cấp điện dự kiến như sau: Điểm cấp điện sẽ lấy điện tại cột 13 nhánh Bơm Thanh Giang 2 - thuộc đường dây 22kV lộ 473 E8.14.

Điện lực Thanh Miện sẽ làm thủ tục đấu nối cấp điện khi UBND xã Nam Thanh Miện cung cấp đầy đủ hồ sơ đấu nối cấp điện được quy định tại thông tư 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương và các văn bản hướng dẫn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban lãnh đạo Điện lực;
- Các Tổ trực thuộc Điện lực;
- Lưu: VT, KHKTAT.

TRƯỞNG ĐIỆN LỰC

ĐIỆN LỰC THANH MIỆN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Hiểu